Giáo Sĩ Việt Nam

#### Bán nguyệt san – Số 491 – Chúa nhật 29.09.2024

**Giáo sĩ: ĐỰƠC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Hr 5, 1)**

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net) [giaosivietnam@gmail.com](mailto:giaosivietnam@gmail.com)

**Chỉ những người bừng cháy mới có thể nhóm lửa lên ở những người khác.**

**THÁNH AUGUSTINÔ (354- 430)**

**MỤC LỤC**

[Quà Tặng Tin Mừng Công Vụ các Tông Đồ (tiếp theo) …………III. Sứ vụ ở Giuđê và Samari ((8:4-9:43)](#BBTCGVN)

[CHẶT CHÂN TAY…, BA CÁCH HIỂU (CN 26B) …………….. Lm. Anphong Nguyễn Công Minh, ofm](#Minh)

[Công đồng Vatican II tròn 60 năm: “Lumen Gentium” kêu gọi sống thánh thiện………………………….. Tác giả: LM Joseph Thomas, 19 tháng 9 năm 2024 …………………Chuyển ngữ: Phêrô Phạm Văn Trung](#Trung)

[KINH NGẠC ………………………………………………………………………. Lm. MINH ANH, TGP. HUẾ](#MinhAnh)

[NẠN ĐỘC QUYỀN …………………………………….. Lm Giuse Nguyễn Văn Nghĩa – Ban Mê Thuột.](#Nghia)

[QUYỀN PHÁ THAI LÀ GÌ? TỪ ĐÂU VÀ DO AI CHO? ………………….Tiến sĩ Tâm Lý Trần Mỹ Duyệt](#Duyet)

[NGÀN NĂM LỊCH SỬ CỨU ĐỘ ………………….. Sr. Agnes Cảnh Tuyết, O.P Gs Kinh Thánh HVCG](#CanhTuyet)

[HÁT CỘNG ĐOÀN TRONG THÁNH LỄ ……………………………………… Lm Bùi Ninh, Gp Bùi Chu](#BuiNinh)

[CÁC MỐI TƯƠNG QUAN VÀ CON ĐƯỜNG SỐNG THÁNH Lm Micae-Phaolo Trần Minh Huy, PSS](#Huy)

[VĂN HOÁ GIAO TIẾP - ÍCH LỢI CỦA NỤ CƯỜI …………………………………… Lm Đan Vinh, HHTM](#DanVinh)

[Chuyện con người chúng ta đây vừa là hình ảnh của Thiên Chúa lại vừa phải gánh lấy cái hậu quả của tội nguyên tổ ………………………………………………………… Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp chuyển ngữ](#Diep)

[TIỀN TIỀN! …………………………………………………………………… Đinh Văn Tiến Hùng (sưu tầm)](#Hung)

**III. Sứ vụ ở Giuđê và Samari**

**HIỆP HÀNH TẠ ƠN**

**hướng đến 500 Năm**

**TIN MỪNG đến trên Quê Hương Việt Nam**

**1533-2033**

****

**Công Vụ   
các  
Tông Đồ**

**(tiếp theo)**

**III. Sứ vụ ở Giuđê và Samari****(8:4-9:43)III. The Mission in Judea and Samaria**

***Ông Philipphê ở Samari.***

4Những người tản mác khắp nơi vẫn tiếp tục loan báo Lời Tin Mừng. 5Philipphê đã xuống một thành miền Samari, và ông loan báo về Đấng Kitô cho họ. 6Đám đông đồng một lòng cùng nhau chăm chú lắng nghe những gì Philipphê rao giảng, bởi vì họ được nghe và thấy những dấu lạ ông đã thực hiện: 7nhiều người đã được giải thoát khỏi những thần ô uế, chúng hét lớn khi xuất ra; nhiều người bị bại liệt và què quặt được chữa lành. 8Trong thành ấy tràn ngập một niềm vui lớn.

***Ảo thuật gia Simon.***

9Và này, tại thành ấy, có một người tên là Simon; trước đây ông ta hành nghề ma thuật và đã làm cho dân chúng Samari kinh ngạc, ông tự cho mình là một nhân vật quyền lực; 10và mọi người trong thành, từ bé đến lớn, đều quan tâm đến ông. Họ nói: “Ông này có quyền năng từ Thiên Chúa, mang danh Vĩ Đại”. 11Họ trân trọng ông bởi vì suốt một thời gian dài, ông đã làm họ ngạc nhiên bằng những ma thuật của mình. 12Nhưng khi Philipphê loan báo Tin Mừng về Nước Thiên Chúa và Danh Chúa Giêsu Kitô, họ tin và cả đàn ông lẫn phụ nữ đều lãnh nhận phép rửa. 13Bản thân Simon cũng trở thành tín hữu, và sau khi nhận lãnh phép rửa, ông bám sát Philipphê và rất kinh ngạc chứng kiến những dấu lạ và những việc kỳ diệu Philipphê thực hiện.

14Các Tông Đồ ở Giêrusalem nghe tin rằng Samari đã đón nhận Lời Chúa thì gửi Phêrô và Gioan đến đó; 15ngay khi đến nơi, các ông cầu nguyện cho những người ấy để họ được lãnh nhận Chúa Thánh Thần: 16bởi vì Chúa Thánh Thần chưa đến với bất cứ ai trong họ: họ mới chỉ nhận phép rửa nhân Danh Chúa Giêsu mà thôi. 17Phêrô và Gioan đặt tay trên họ, và họ nhận lãnh Chúa Thánh Thần.

18Simon, nhìn thấy Thần Khí ngự đến qua việc đặt tay của các Tông Đồ, ông dâng lên một món tiền 19và nói: “Xin cũng hãy cho tôi quyền lực ấy nữa, để tất cả những ai được tôi đặt tay cũng sẽ được nhận lãnh Chúa Thánh Thần”. 20Phêrô nói với ông: “Bạc của ông và cả ông nữa cũng tiêu ma đi cho rồi, bởi ông đã nghĩ rằng có thể mua bán ân sủng của Thiên Chúa bằng tiền bạc! 21Ông không được dự phần vào sứ vụ này, bởi vì tâm hồn của ông không ngay chính trước mặt Thiên Chúa. 22Hãy ăn năn sám hối, và cầu xin Chúa tha thứ vì đã suy nghĩ như thế; 23bởi vì tôi thấy rõ trong lòng ông đầy những hiềm khích chua chát, và ông đang làm nô lệ cho tội lỗi”. 24Simon thưa lại rằng: “Xin ngài cũng hãy cầu nguyện với Chúa cho tôi, để những gì ngài nói đó không xảy đến với tôi”. 25Về phần Phêrô và Gioan, sau khi làm chứng và loan báo Lời của Chúa, các ông trở lại Giêrusalem, và trên đường về đã loan báo Tin Mừng cho một số đông các làng mạc Samari.

***Ông Philipphê và một người Êthiôpi.***

26Thiên thần của Chúa ngỏ lời với Philipphê: “Ông hãy lên đường đi về hướng nam, theo ngả từ Giêrusalem xuống Gaza, ngả đường ấy khá hoang vắng”. 27Philipphê bắt đầu đi; và kìa, có một người xứ Ethiôpi, một thái giám, một quan chức lớn của Nữ Hoàng Canđacia xứ Ethiôpi, và là người quản trị tất cả kho báu, ông đã lên Giêrusalem để lo việc thờ phượng, 28từ Giêrusalem trở về, ngồi trên xe của mình, ông đọc sách ngôn sứ Isaia.29Thiên thần nói với Philipphê rằng: “Hãy tiến gần đến cỗ xe”. 30Philipphê chạy tới, ông nghe vị quan chức đang đọc sách ngôn sứ Isaia, bèn hỏi: “Ngài có hiểu điều ngài đang đọc không?”. 31Vị quan chức trả lời: “Làm sao tôi có thể hiểu được nếu không có ai hướng dẫn cho tôi?”. Và ông mời Philipphê lên xe, ngồi ngay bên cạnh ông. 32Đoạn Kinh Thánh ông đọc là đoạn này:

“Như một con chiên, Ngài bị đem đi làm thịt;

như con cừu[[1]](#footnote-1)♣ câm nín, trước người thợ xén lông,

Ngài không mở miệng hé môi.

33Trong khiêm hạ,

án xử Ngài đã xong.

Thế hệ sau của Ngài, nào ai bày tỏ?

Rằng cuộc đời Ngài trên trần thế

đã bị cất khỏi thế gian”.

34Viên quan chức ngỏ lời với Philipphê: “Xin ngài hãy cho tôi biết: ngôn sứ này nói về ai thế? Về chính tác giả hay về một người khác?”. 35Philipphê bắt đầu rao giảng, và từ đoạn Kinh Thánh này, ông loan báo cho vị quan chức Tin Mừng của Chúa Giêsu. 36Các ông vẫn tiếp tục đi, đến một nơi có nước, vị thái giám nói: “Có nước đây rồi: có gì ngăn trở tôi nhận phép rửa không?”. (37)38Ông cho dừng xe lại, cả hai bước xuống nước, và Philipphê cử hành phép rửa cho vị thái giám. 39Khi vừa lên khỏi nước, Thần Khí của Chúa liền đưa Philipphê đi; vị thái giám không còn thấy ông nữa, ông tiếp tục hành trình của mình, lòng hân hoan vui sướng. 40Còn Philipphê thì người ta thấy ở thành Azôtô, ông rao giảng Tin Mừng trong tất cả các thành ông đi qua mãi cho đến Cêsarê.

**Chương 9**

***Sự hoán cải của Saolô.***

1Saolô vẫn luôn giọng hăm đe và dọa giết hại các môn đệ của Chúa, nên ông đến gặp vị thượng tế 2và xin thư giới thiệu ông đến các hội đường ở Đamas, để nếu ông gặp thấy những người đàn ông, đàn bà nào tin theo Đạo, thì sẽ bắt họ đưa về Giêrusalem. 3Khi đi đến gần Đamas, thình lình một nguồn sáng rực rỡ từ trời chiếu xuống bao phủ lấy ông, 4ông ngã xuống đất và nghe có tiếng nói với ông: “Saolô, Saolô, sao con bách hại Ta?”. 5Ông thưa: “Lạy Chúa, Ngài là ai?”. Có tiếng trả lời: “Ta là Giêsu, Đấng mà con đang bách hại! 6Hãy trỗi dậy và đi vào thành, con sẽ được cho biết phải làm gì”. 7Những người tháp tùng ông trong chuyến đi dừng lại, đứng chết lặng vì sợ, họ nghe tiếng nói, nhưng chẳng nhìn thấy ai cả. 8Saolô trỗi dậy, và mặc dù mắt vẫn mở to, ông không trông thấy gì hết. Họ phải nắm tay dẫn ông vào Đamas. 9Trong suốt ba ngày, ông không nhìn thấy gì, cũng chẳng ăn, chẳng uống chi cả.

***Ông Saolô chịu phép rửa.***

10Tại Đamas có môn đệ tên là Anania; trong một thị kiến, Chúa gọi ông: “Anania”. Ông thưa: “Lạy Chúa, con đây”. 11Chúa bảo ông: “Trỗi dậy đi, và hãy đến phố gọi là Phố Thẳng, vào nhà của ông Giuđa và hỏi tìm một người thành Tarsô tên là Saolô. Ông ta đang cầu nguyện 12và ông ta cũng có một thị kiến thấy một người tên là Anania đi vào và đặt tay trên ông để chữa cho ông được sáng mắt”. 13Anania thưa: “Lạy Chúa, con đã nghe nói rất nhiều về người này, và về những điều ác ông ta đã làm cho các thánh nhân của Chúa ở Giêrusalem; 14ông ta đến đây và được các thượng tế cho quyền để bắt tất cả những ai kêu cầu Danh Chúa”. 15Thế nhưng Chúa bảo ông: “Hãy đi, bởi vì con người ấy là khí cụ Ta đã chọn để mang Danh Ta đến cho mọi dân tộc, các vua chúa và con cái Israel; 16và Ta sẽ tỏ cho người ấy thấy tất cả những gì người ấy phải chịu vì Danh Ta”. 17Anania lập tức lên đường và vào trong nhà; đặt tay trên Saolô, ông nói: “Ông Saolô, Chúa sai tôi đến, Ngài chính là Chúa Giêsu ⎯ Đấng đã hiện ra với ông trên đường ông đang đến đây ⎯ để ông được sáng mắt trở lại và đầy tràn Chúa Thánh Thần”. 18Ngay tức khắc có cái gì đó như những cái vảy rơi khỏi mắt ông, và ông nhìn thấy được. Ông trỗi dậy và được nhận phép rửa 19sau đó ông ăn uống và lấy lại sức. Ông lưu lại với các môn đệ ở Đamas vài ngày;

***Ông Saolô giảng dạy tại Đamas.***

20rồi lập tức, ông rao giảng Chúa Giêsu trong các hội đường, xác quyết rằng Ngài là Con Thiên Chúa. 21Nhưng mọi người nghe đều kinh ngạc và nói: “Đây không phải là kẻ ở Giêrusalem, vẫn quyết tâm tiêu diệt những người kêu cầu Danh ấy sao, và không phải ông ta đến đây để bắt trói họ dẫn về cho các thượng tế sao?”. 22Dẫu sao, Saolô vẫn ngày càng vững mạnh, ông làm cho những người Do Thái ở Đamas phải chưng hửng, khi ông chứng minh cho họ thấy rằng: Chúa Giêsu chính là Đấng Kitô.

***Ông Saolô thăm thành Giêrusalem.***

23Sau nhiều ngày trôi qua, người Do Thái âm mưu giết ông; 24người ta báo cho Saolô biết về âm mưu ấy. Hơn nữa, người Do Thái còn cho canh gác những cổng thành cả ngày lẫn đêm để có thể giết ông; 25Các môn đệ bèn đưa ông trốn đi vào ban đêm; họ đặt ông trong một cái thúng rồi thòng dây thả ông xuống đất ở phía bên kia tường thành.

26Khi tới Giêrusalem, Saolô tìm cách để tham gia với các môn đệ, nhưng tất cả đều sợ ông, bởi vì họ không tin rằng ông cũng đã là một môn đệ. 27Barnaba đã đưa ông đi cùng, dẫn ông đến với các Tông Đồ, và thuật lại cho các Tông Đồ việc Saolô đã thấy Chúa và Ngài đã nói với Saolô như thế nào, đồng thời, tại Đamas, Saolô đã trung thực rao giảng xác tín vào Danh Chúa Giêsu. 28Từ đó, Saolô qua lại với các Tông Đồ ở Giêrusalem và mạnh dạn rao giảng nhân Danh Chúa. 29Ông cũng đàm đạo và tranh luận với người Do Thái theo văn hóa Hy Lạp. Nhưng những người này cũng tìm cách để giết ông. 30Biết được tin đó, anh em bèn hộ tống ông về tận Cêsarê và tiễn ông đi Tarsô.

***Thời gian******Giáo Hội sống trong bình an.***

31Hội Thánh được bình an trong khắp miền Giuđê, Galilê và Samari; được xây dựng và tiến bước trong sự kính sợ Chúa, và phát triển nhờ sự nâng đỡ an ủi của Chúa Thánh Thần.

***Ông Phêrô chữa lành cho Ênê ở Lýđđa.***

32Khi ông Phêrô đi thăm viếng các nơi, ông đến với các thánh đang ở Lýđđa. 33Ông gặp một người có tên là Ênê, nằm liệt đã tám năm vì anh ta bị bại liệt. 34Phêrô nói với anh: “Ênê, Chúa Giêsu Kitô chữa anh, anh hãy trỗi dậy và tự mình dọn dẹp giường của mình”. Và lập tức anh ta trỗi dậy. 35Tất cả những người cư ngụ ở Lýđđa và Saron đều chứng kiến sự việc, và họ quay trở về với Chúa.

***Ông Phêrô cho người chết sống lại – chị Tabitha.***

36Ở Giaphô cũng có một nữ môn đệ của Chúa tên là Tabitha, có nghĩa là Sơn Dương. Chị làm rất nhiều việc tốt và chuyên cần làm phúc bố thí. 37Xảy ra là trong những ngày ấy, chị bị bệnh và qua đời. Sau khi tắm xác, người ta đặt chị trong căn phòng ở trên lầu. 38Và bởi vì Lýđđa rất gần Giaphô, nghe tin Phêrô đang ở đấy, các môn đệ cho hai người đến với ông và khẩn nài: “Xin hãy đến với chúng tôi ngay!”. 39Phêrô lên đường với hai ông; khi đến nơi, người ta dẫn ông lên căn phòng trên lầu. Tất cả các quả phụ đều khóc thảm thiết, họ lại gần ông, chỉ cho ông thấy những áo dài, áo choàng chị Sơn Dương đã may cho họ khi chị còn sống. 40Phêrô xin mọi người ra ngoài; ông quỳ gối cầu nguyện; rồi quay về phía thi hài, ông nói: “Chị Tabitha, hãy trỗi dậy!”. Chị mở mắt ra và nhìn thấy Phêrô, chị liền ngồi lên. 41Phêrô đưa tay ra đỡ chị đứng dậy. Rồi ông gọi các thánh và các quả phụ vào chỉ cho họ thấy chị vẫn đang sống. 42Cả thành phố Giaphô đều biết sự kiện này, và nhiều người tin vào Chúa Giêsu. 43Phêrô ở lại Giaphô khá nhiều ngày, trong nhà của Simon, một người thợ làm nghề thuộc da.

**Còn tiếp**

****

**“A Christian who in these times is not a revolutionary is not a Christian”.**

**“Un Chrétien, s’il n’est pas un révolutionnaire en ce temps, n’est pas Chrétien”.**

**“Một Kitô hữu sống trong thời đại này mà không dám lội ngược dòng thì không phải là Kitô hữu”.**

**Đức Giáo Hoàng Phanxicô**

**Chỉ cá sống mới bơi được ngược dòng.**

Khuyết danh (DoCat số 315)

**[VỀ MỤC LỤC](#MucLuc)**

**CHẶT CHÂN TAY…, BA CÁCH HIỂU (CN 26B)**

Có một số lời nói ngắn ngủi nhưng ý nghĩa, không biết ghép vào đâu, đã được Marcô gồm thâu lại một chỗ và Giáo hội cho công bố trong Chúa nhật hôm nay. Chúng ta vừa mới nghe, nhưng chắc không còn nhớ. Đó là :

-Ai không chống lại các con, là ủng hộ các con (Bđ I minh hoạ cho điểm này: *họ nói tiên tri kìa. Chận họ lại*)

-Ai cho các con một ly nước là sẽ không mất phần thưởng

-Ai nên cớ vấp phạm cho kẻ bé mọn, thà buộc cối đá vào cổ mà xô xuống biển.

-Ai có tay sinh dịp tội, hãy chặt đi; có chân sinh dịp tội, hãy cưa đứt; có mắt sinh dịp tội hãy móc ngay.

Chúng ta dừng lại ở điểm cuối cùng này thôi, để xem Chúa muốn nói gì qua kiểu nói mạnh mẽ : '*Hãy chặt, hãy móc…'*

 Ngày xưa có một đoàn thám hiểm từ Âu Châu đi tìm đất mới. Họ xuất phát từ Ireland. Vua Ireland hạ lệnh ai đầu tiên đụng chạm đến đất mới, người ấy sẽ làm chủ cả lãnh thổ. Một người trong nhóm là O’Neil quyết tâm dành được đất mới, nhưng khi gần tới nơi, một chiếc thuyền đối thủ bắt kịp và qua mặt. O’Neil có thể làm gì ? Ông buông mái chèo, cầm lấy búa và chặt tay mình. Chúng ta có thể nghĩ ông này tức quá chặt tay. Không! Ông chặt tay mình và liệng nó lên bờ. Như thế ông là người có bàn tay đầu tiên đụng vào đất mới. Và ông là chủ của lãnh thổ đó.

Câu chuyện đẫm máu rùng rợn này giúp ta phần nào hiểu được những lời đẫm máu, rùng rợn của Chúa Giêsu: "*Thà đứt mất tay mà vào nơi hằng sống. Thà mù con mắt mà vào chốn đời đời, còn hơn đầy đủ … mà phải trầm luân hoả nguc".* Chúa muốn nói: phải hy sinh, phải dũng cảm, phải cường bạo.

Một chỗ khác, trong Tin Mừng Matthêu, Chúa Giêsu đã nói : Nước Trời chỉ chiếm được cho những người can đảm: "*Từ ngày Gioan Tẩy Giả đến giờ Nước Trời ở dưới sức cường bạo và những kẻ cường bạo mới chiếm đoạt được".*

**1. KHÔNG THỂ HIỂU NGHĨA ĐEN.**

Nhưng câu nói “chặt tay, cưa chân, móc mắt” của Chúa không thể hiểu theo nghĩa đen. Tại sao vậy ? Có nhiều lối giải thích, nhưng ở đây chỉ nêu lên một lời giải này thôi : 'Chưa chắc cụt tay, què chân, chột mắt mà hết phạm tội, mà vào được Nước Trời'. Tội nằm trong tư tưởng con người, chứ không chỉ nằm trong tay, trong chân, nơi cặp mắt.

Có chàng học trò kia mỗi ngày đều phải dùng đò ngang để qua thành phố theo học. Ngày đầu, chàng lân la ngồi gần cô lái đò để trò chuyện. Khi trả tiền đò, cô lái ghe tính gấp đôi cho anh này. Tại sao ? 'Vì anh đã được nói chuyện với cô'. Ngày thứ hai, chàng học trò ngồi xa. Không trò chuyện nữa. Khi trả tiền đò, cô lái ghe tính gấp ba. Tại sao ? '*Vì không nói, nhưng anh nhìn tôi, còn hơn là nói'.* Ngày thứ ba, chàng học trò rút kinh nghiệm, ngồi xa, mắt nhắm lại. Khi trả tiền đò, cô lái ghe tính gấp bốn. Tại sao ? "*Vì anh nhắm mắt anh '***nghĩ'***về tôi, còn gấp mấy nói và nhìn".*

Câu chuyện không nhằm nói lên chàng học trò có tư tưởng xấu với cô lái đò đâu. Nhưng nhằm kết luận : trong con người, phần cao trọng nhất là tư tưởng (trí khôn). Chính tư tưởng, chính trí khôn mới là đầu mối tạo nên công phúc hay gây ra tội lỗi. “Tội là từ trong mà ra,” Chúa đã nói như vậy, chứ không phải từ ngoài. Vì thế nếu chặt tay, chặt chân, mắt chột mắt mù, chưa chắc đã hết phạm tội, nhiều khi lại còn hơn nữa : họ than trách Chúa, chửi rủa Trời…

Do đó câu nói đẫm máu của Chúa : '*chặt tay, chặt chân, móc mắt',* không cần và không được hiểu theo nghĩa đen.

**2. VẬY PHẢI HIỂU THEO NGHĨA NÀO?**

Thưa, nghĩa này : chặt đứt, móc bỏ, tức là '*hi sinh'*. Hy sinh là một chữ mà chúng ta '*nghe'* quá quen, nhưng '*làm'* thì nhiều người còn ngờ ngợ run sợ, bởi vì phải dũng cảm lắm, phải cường bạo nhiều mới hy sinh được. **Có 3 cách hiểu về “hy sinh”**

**1**) Đối với một số người, *xa lìa một vài '****món đồ'*** vật chất cũng đau xót như và nhiều khi còn hơn bị đứt tay lìa chân. Anh chàng kia ra đường vấp phải hòn đá, bàn chân chảy máu. Thấy vậy, anh thầm mừng: '*may quá hôm nay không đi giày'*. Nếu đi giày thì trầy mất đôi dép mới ? Họ xót của hơn xót người. Bị té xe Honda, A còng, SH…, câu hỏi đầu tiên là xe có sao không, chứ không phải bị vết thương nào ? Tục ngữ Việt-Nam thật ý vị : '*đồng tiền liền khúc ruột'*. Bỏ tiền ra cũng đau như bị cắt ruột. Nhưng nhiều khi phải bỏ, phải hy sinh vì nếu ta muốn được xếp đứng bên hữu và nghe câu : "*Hỡi những kẻ Cha Ta chúc phúc hãy vào lãnh lấy Nước Trời",* thì ta phải bỏ bớt để cho kẻ đói ăn, kẻ khát uống. Đó là hi sinh – hi sinh của cải vật chất.

**2**) Đối với người khác, bỏ được '***tật xấu'****, thói quen không hay,* cũng tựa như và nhiều khi còn hơn là đứt tay lìa chân.

Với người nghiện rượu, bỏ được một chai hay một ly thôi, cũng gây khổ sở. Nhưng để gia đình êm ấm, vợ con bớt khổ và như thế là đẹp ý Chúa : Anh phải bỏ thôi.

Nhịn một điếu thuốc ở nơi công cộng vì sức khoẻ của mình và vì bác ái với sức khoẻ của người khác, không bắt họ phải hít khói bất đắc dĩ, cũng là một hi sinh không kém phần anh hùng. Sau này họ sẽ xứng đáng xông hương khói trước toà Chúa.

Chúng ta thích ngủ thêm. Ngủ nướng, nướng qua nướng lại vào sáng Chủ nhật. Cố gắng ngồi dậy là một vượt thắng có thể gây khó chịu nhưng đó là phương cách chúng ta chiếm đoạt Nước Chúa trong ngày của Chúa.

Chúng ta dễ ngồi dán mắt vào màn hình Tivi đến phút chót hơn là dành vài phút cầu nguyện xét mình trước khi ngủ. Tắt TV sớm, cũng là một cách móc bớt mắt, để sau này được nhìn Nhan thánh Chúa rõ hơn.

**3**) Một khía cạnh khác của hi sinh, có lẽ gần với bài Tin Mừng hơn, đó là '**hi sinh** ***công dụng'***. Có người chặt tay mà vẫn phạm tội tà dâm. Có người móc mắt mà vẫn mắc tội nghĩ bậy. Vậy thì cứ để mắt còn đó, để chân tay còn đó, nhưng hi sinh không dùng đến '*công dụng'* của nó là cách chặt tay, cưa chân hay nhất.

Nếu cuốn sách, tấm hình, bộ phim sinh dịp tội. Ta không xem. Hy sinh, móc bỏ 'công dụng của mắt là xem'.

Nếu đi đến đó, thế nào cũng cãi lộn. Ta không đến. Hy sinh 'công dụng của chân là đi'.

Nếu mở miệng ra, thế nào cũng sinh chuyện. Ta im lặng, hy sinh 'công dụng của miệng là nói', chẳng khác gì cắt lưỡi vậy.

Để có thể hy sinh, phải tin có Đấng biết rõ ta hy sinh và thưởng công cho những hy sinh của ta. Đó là Đấng ta tuyên tín ngay bây giờ trong Kinh Tin Kính.

**Anphong Nguyễn Công Minh, ofm**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

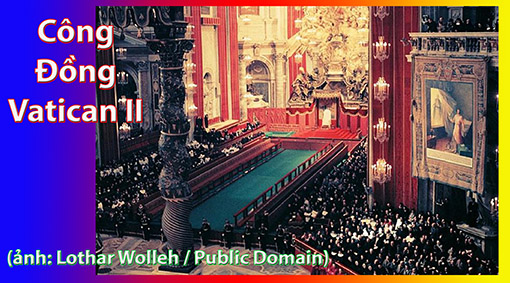
**Công đồng Vatican II tròn 60 năm: “Lumen Gentium” kêu gọi sống thánh thiện**

**Chuyên mục:**

**TÔI TIN, CHÚNG TÔI TIN**

**Công đồng Vatican II tròn 60 năm:**

**“Lumen Gentium” kêu gọi sống thánh thiện**

****

Tác giả: LM Joseph Thomas, 19 tháng 9 năm 2024

**Chuyển ngữ: Phêrô Phạm Văn Trung**

Nguồn: <https://www.ncregister.com/commentaries/vatican-ii-at-60-lumen-gentium-call-to-holiness?utm_campaign>

Trong chương thứ năm của hiến chế tín lý, lần đầu tiên Giáo Hội long trọng tuyên bố rằng tất cả các Kitô hữu đều được kêu gọi nên thánh.

Lời kêu gọi mọi người nên thánh là giáo huấn đặc trưng của Công đồng Vatican II. Chủ đề này làm nên chủ đề của chương thứ năm của Lumen Gentium - Ánh sáng Muôn dân, hiến chế tín lý của Công đồng về Giáo hội.

Với văn bản này, Công đồng Vatican II đã tuyên bố một cách dứt khoát rằng “tất cả các Kitô hữu, bất cứ theo bậc sống hay địa vị nào, đều được kêu gọi tiến đến sự viên mãn của đời sống Kitô giáo và đến sự trọn lành của Ðức Ái …” (Lumen Gentium, chương 5, số 40, Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X).

Giáo huấn này là một tuyên bố hoàn toàn mới, ít nhất là trong bối cảnh các tuyên bố long trọng của Giáo hội. Chủ đề này cũng có một số điểm mới lạ trong chính Công đồng. Một chương dành riêng cho lời kêu gọi nên thánh không có trong bản thảo ban đầu của Lumen Gentium được trình bày vào đầu Công đồng. Văn bản trước đó, sau khi mô tả hệ thống phẩm trật của Giáo hội, đã dành một chương cho “các bậc sống để đạt được Sự hoàn thiện Tin Mừng”, tức là đời sống tu trì.

Vào mùa xuân năm 1963, trong một cuộc họp của ủy ban điều phối công việc của Công đồng, Đức Hồng y người Bỉ Leo Joseph Suenens đã trình bày đề xuất về một chương cụ thể dành riêng cho chủ đề về sự thánh thiện trong Giáo hội. Ngài lấy bản văn trước đó về “bậc sống hoàn thiện”, được hiểu theo nghĩa của đời sống tu trì, làm điểm khởi đầu của Ngài.

Vị giám mục người Bỉ cảm thấy rằng chương trước đó đã nhấn mạnh quá nhiều vào sự vượt trội của bậc sống tu trì và cần có một tầm nhìn rộng hơn. Vị giám mục đề xuất rằng hiến chế về Giáo hội trước tiên có thể mô tả ơn gọi nên thánh hướng đến tất cả các Kitô hữu và sau đó chuyển sang mô tả những gì phù hợp với bậc sống hoàn hảo dành riêng cho các tu sĩ.

Đề xuất này sẽ dẫn đến một chương mới được trình lên các Nghị phụ Công đồng vào mùa thu năm 1963, có tựa đề “Về ơn gọi nên thánh trong Giáo hội”, bao gồm cả lời kêu gọi nên thánh nói chung và lời kêu gọi nên thánh cụ thể trong đời sống tu trì. Nhắc lại lời kêu gọi của Chúa Kitô là “hoàn thiện” trong đức ái (Mátthêu 5:48) và lời dạy của Tiến sĩ Hội thánh Thánh Phanxicô Salêsiô, bản dự thảo này khẳng định rằng tất cả các Kitô hữu, bất kể ở bậc sống nào, đều được kêu gọi hướng đến mục tiêu chung là sự thánh thiện Kitô giáo, như là hoa trái của tác động ân sủng của Thiên Chúa.

Trong các cuộc tranh luận về bản văn này, các Nghị phụ Công đồng đã nhất trí về nhu cầu công bố lời kêu gọi nên thánh nơi tất cả những người đã chịu phép rửa tội. Đức Hồng y Norman Gilroy của Sydney đã lưu ý đến sự đồng thuận này trong Công đồng và lập luận thêm rằng Công đồng sẽ chỉ “thành công” nếu thực sự dẫn dắt tất cả các thành viên của Giáo hội đến một mức độ thánh thiện cao hơn.

Đồng thời, nhiều Nghị phụ Công đồng kêu gọi bản văn diễn đạt tốt hơn ý nghĩa của sự thánh thiện Kitô giáo. Tổng giám mục Angelo Fernandes, giám mục phó New Delhi, bình luận rằng bản văn không đủ sâu sắc để mô tả ý nghĩa của sự thánh thiện Kitô giáo như là sự phát triển hoàn hảo của ân huệ được nhận làm dưỡng tử và biến đổi trong Chúa Thánh Thần nhờ phép thánh tẩy mang lại.

Hơn nữa, ngài nhận thấy rằng văn bản dành không gian không cân xứng - gần 70% - cho các vấn đề liên quan đến đời sống tu trì. Trong khi thừa nhận vai trò đặc biệt của các tu sĩ trong việc làm chứng cho sự thánh thiện không tì vết của Giáo hội, ngài kêu gọi Công đồng chú ý nhiều hơn đến lời kêu gọi nên thánh của các giám mục, linh mục và giáo dân, ngoài việc diễn đạt rõ ràng hơn về ý nghĩa cốt lõi của ơn gọi tu trì.

Những đề xuất này và những đề xuất tương tự khác không hề có ý định làm mất đi lòng tôn kính của Công đồng đối với đời sống tu trì. Như Giám mục người Croatia Stjepan Bauerlein đã chỉ ra, sự tận tụy của linh mục giáo phận đối với Chúa khác với sự tận tụy của tu sĩ, “giống như một ngôi sao khác biệt về độ rực rỡ”, nhưng sự khác biệt về độ rực rỡ sẽ không phải là lý do để phủ nhận sự tồn tại của một ngôi sao.

Những đề xuất khác nhau của các Nghị phụ Công đồng đã được phản ánh trong một văn bản được sửa đổi rộng rãi về lời kêu gọi nên thánh, được trình lên Công đồng vào mùa thu năm 1964. Tại đây, lần đầu tiên, các Nghị phụ Công đồng được trình bày một bản văn về “Lời kêu gọi mọi người nên thánh trong Giáo hội”, có khả năng là một chương riêng biệt. Sau đó, Công đồng sẽ bỏ phiếu chấp thuận bản văn này như một chương cụ thể, đồng thời cũng quyết định ủng hộ một chương khác về vai trò đặc biệt của đời sống tu trì trong Giáo hội.

Trong bản văn đã sửa đổi này , Ủy ban Giáo lý - ủy ban có trách nhiệm sửa đổi bản văn - đã cải thiện đáng kể văn bản mô tả về ý nghĩa của lời kêu gọi nên thánh hướng đến tất cả các Kitô hữu. Chương này có một khởi đầu mới, công nhận rằng Giáo hội là “hoàn toàn thánh thiện”.

Theo cách này, bản văn Công đồng đã đáp lại yêu cầu của nhiều Nghị phụ Công đồng rằng văn kiện này có thể diễn đạt tốt hơn cách thức lời kêu gọi nên thánh bắt nguồn từ chính căn tính của Giáo hội.

Bản dự thảo mới cũng mô tả cách thức sự thánh thiện trở thành hiện thực sống động trong đời sống của Kitô hữu.

Như bản văn cuối cùng của Lumen Gentium khẳng định rằng, nhờ phép rửa tội và đức tin, những người theo Chúa Kitô “thực sự trở nên con cái Thiên Chúa và được thông phần vào bản tính Ngài, và do đó, thực sự đã trở nên thánh” (Lumen Gentium, chương 5, số 40, Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X). Theo yêu cầu của các Nghị phụ Công đồng khác, để tránh rơi vào chủ trương lý tưởng thuần túy, bản văn sẽ tiếp tục thừa nhận thực tế của tội lỗi: “Nhưng vì chúng ta ai cũng có nhiều lầm lỗi (Giacôbê 3,2), nên chúng ta luôn cần đến lòng nhân từ của Thiên Chúa và hằng ngày phải cầu nguyện "xin Chúa tha nợ chúng tôi" (Mt 6,12)” (đã dẫn trên).

Chương này cũng sẽ tránh chủ trương lý tưởng như vậy bằng cách mô tả chi tiết hơn nhiều về cách thức mà các thành viên khác nhau của Giáo hội được kêu gọi sống sự thánh thiện thông qua hoàn cảnh cá nhân của họ: như giám mục, linh mục, phó tế, “các bậc vợ chồng và cha mẹ Kitô giáo”, cũng như “bậc quả phụ và độc thân” (số 41, đã dẫn trên).

Công đồng muốn đặc biệt đề cập đến những người “những người thường làm lụng vất vả,” “những người chịu đau khổ vì nghèo đói, tật nguyền, đau yếu và những thử thách khác, hay bị bách hại vì sự công chính” (đã dẫn trên). Toàn cảnh về sự thánh thiện trong Giáo hội này đặc biệt thể hiện ý thức đổi mới về vai trò của giáo dân trong Giáo hội, chủ đề trong chương trước đó của Lumen Gentium.

Trong sự đa dạng lớn lao như vậy, các thành viên của Giáo Hội tìm kiếm một mẫu số chung, đó là lòng bác ái. Ủy ban Giáo lý, như đã lưu ý khi trình lên Công đồng bản dự thảo đã sửa đổi, đã nhận thức được rằng lòng “đức ái chi phối mọi phương thế nên thánh, làm cho mọi phương thế hình thành và đạt được cùng đích” (số 42, đã dẫn trên).

Trước hết, Công đồng muốn nhấn mạnh rằng đức ái là một ân huệ được Thiên Chúa ban cho nhân loại, cũng như là một mệnh lệnh. Như Lumen Gentium khẳng định, “Nhưng để đức ái, tựa như hạt giống tốt, lớn lên trong tâm hồn và kết sinh hoa trái, mỗi một tín hữu phải sẵn lòng lo lắng nghe Lời Chúa, và với ơn Ngài thực hành thánh ý Ngài” (số 42, đã dẫn trên).

Bản văn tiếp tục mô tả những cách thức mà các Kitô hữu để cho đức ái thiêng liêng này hoạt động trong cuộc sống của họ và do đó “hoàn thành” công trình mà Thiên Chúa đã bắt đầu: các bí tích và đặc biệt là Bí tích Thánh Thể, phụng vụ, cầu nguyện, tự chối, cùng với “nhiệt thành phục vụ anh em và chuyên cần luyện tập các nhân đức” (số 42, đã dẫn trên). Trong số những cách thức khác nhau mà các Kitô hữu thể hiện đức ái này, Công đồng muốn đặc biệt đề cập đến các lời khuyên Phúc âm về sự nghèo khó, trong sạch và vâng phục, và đặc biệt là những tu sĩ sống đời độc thân, “ân huệ cao quí mà Chúa Cha ban cho một số người” (số 42, đã dẫn trên).

Chương lịch sử này khép lại với lời mời gọi cuối cùng gửi đến tất cả các tín hữu hãy tìm kiếm sự thánh thiện và hoàn thiện trong chính bậc sống của mình. Công đồng lưu ý, lời kêu gọi này thực ra là một “bổn phận”, xuất phát từ mầu nhiệm của Giáo hội được trình bày một cách mạnh mẽ trong Lumen Gentium. Lời khuyên này vẫn tiếp tục vang vọng ngày nay như một lời kêu gọi các Kitô hữu hãy sống theo ân sủng mà họ đã lãnh nhận, mỗi người theo ơn gọi riêng mà họ đã lãnh nhận, và theo cách này, làm cho Chúa Kitô hiện diện trong trần thế.

Chuyển ngữ: Phêrô Phạm Văn Trung.

1. <https://www.thanhlinh.net/node/171562>

***Phêrô Phạm Văn Trung,***

***Hẹn gặp lại***



[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**KINH NGẠC**

**QUÀ TẶNG TIN MỪNG:**

**Thứ Năm Tuần XXIV Thường Niên, Năm Chẵn:**

**KINH NGẠC**

**Lm. MINH ANH, TGP. HUẾ**

Kính mời theo dõi video tại đây:

<https://www.youtube.com/watch?v=pMO0f3U8Q88>



**“Tội con đã được tha!”.** (Lc 7, 48b)

John Newton - thuyền trưởng một tàu buôn nô lệ - lần kia gặp bão, tàu sắp đắm, ông cầu nguyện và thoát nạn. Cảm nhận sự giải cứu kỳ diệu của Chúa, ông viết **“Amazing Grace”, “Ân Phúc Diệu Kỳ”,** một thánh ca nổi tiếng. Ca khúc này độc đáo ở chỗ chỉ có 5 nốt nhạc: Do, Fa, La, Sol, Rê. Thú vị hơn, ca sĩ da đen Wintley Phipps tiết lộ, “5 ‘phím đen’ - phím của người nô lệ - ‘slaves’ scales’[[2]](#footnote-2) đủ để thể hiện ca khúc của vị mục sư trở lại đạo này!”.

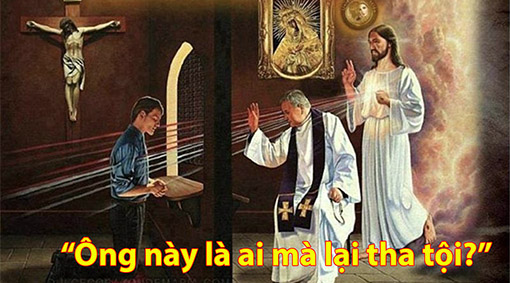


Kính thưa Anh Chị em,

Tin Mừng hôm nay không kể lại giai thoại một bản thánh ca cảm hứng từ một con tàu sắp chìm được cứu, nhưng kể chuyện **một linh hồn được cứu!** Câu chuyện ly kỳ sẽ đưa người đọc từ kinh ngạc này đến kinh ngạc khác. ‘Kinh ngạc **người mời’**, ‘kinh ngạc **khách mời’**, ‘kinh ngạc **khách không mời’** và nhất là ‘kinh ngạc trước **sự tha thứ’**, “Tội con **đã được tha**!”.



Trước hết, ‘kinh ngạc người mời’. Người mời Chúa Giêsu là một biệt phái, một điều khá hiếm hoi! ‘Khách mời’ là Chúa Giêsu và các biệt phái khác, không nhắc đến các môn đệ, khá bất thường! Bên cạnh đó, có **một vị ‘khách không mời’ - một phụ nữ - quá bất ngờ!** Dưới cái nhìn của chủ nhà, cô là một người ‘đầy tội’; nhưng xem ra cô không quan tâm và nói như thánh Grêgôriô Cả, “Cô không đỏ mặt trước các thực khách vì khi thấy những vết nhơ của sự xấu hổ, cô đã chạy đến **rửa chúng tại nguồn nước ‘đầy tình’ xót thương!”.**



Kinh ngạc hơn! Những gì cô dành cho Chúa Giêsu! Ở đây có đến 5 bước: Cô “**đứng đằng sau Ngài**”; “khóc, **rửa chân** Ngài bằng nước mắt”; “**lau chân** Ngài bằng tóc”; “**hôn chân** Ngài”; và “**xức chân** Ngài bằng một loại dầu thơm đắt tiền!”. Đó là **một chuỗi 5 hành động không định trước, không tính toán và không vận dụng; thay vào đó là ‘tất cả con người!’.** Nói khác đi, cô hoà quyện những gì quý giá nhất của một phụ nữ: tiền bạc, mái tóc, nước mắt, mùi hương… với những gì đẹp nhất, tôn kính nhất, để dành cho Chúa Giêsu. Qua đó, cô **van xin lòng thương xót của Ngài mà không cần nói một lời.** Và kinh ngạc nhất! Chúa Giêsu không tỏ ra một thái độ, một phản ứng nào, ngoài việc đọc ‘lời xá giải’, **“Tội con đã được tha!”;** “Đức tin con đã cứu con, con về bình an!”. Các biệt phái phải sững sờ, **“Ông này là ai mà lại tha tội?”- ‘kinh ngạc trước sự tha thứ!’.**

****

Anh Chị em,

“Tội con đã được tha!”. ‘5 từ’ vỏn vẹn của Chúa Giêsu như đáp lại một lời cầu không thành tiếng từ ‘5 hành vi’ của người phụ nữ ứng với ‘5 nốt nhạc’ dâng trào tâm tình biết ơn của “Amazing Grace”. Vì với ‘5 hành động’ tha thiết của mình, cô đã lay động lòng Trời; và dường như cô cũng đã **hát lên “Ân Phúc Diệu Kỳ” và “Hãy tạ ơn Chúa vì Chúa nhân từ!”** - Thánh Vịnh đáp ca - sau khi được thứ tha. Bài ca ấy vẫn mãi vang lên trong lòng bạn và tôi nếu chúng ta nuôi dưỡng cho mình sự kinh ngạc trước tha thứ của Chúa. **Đừng bao giờ coi sự tha thứ là điều hiển nhiên! Đúng hơn, xem nó là một điều phi thường, luôn luôn mới; đem lại niềm vui và mãi mãi là nguồn cảm hứng!**

Chúng ta có thể cầu nguyện,

“Lạy Chúa, cho con luôn sống trong **niềm biết ơn sâu sắc,** nhất là khi con trải nghiệm thuyền đời con được cứu khi nó hòng chìm!”, Amen.



(**lời nhắn:** mọi người đều có thể yêu cầu được nhận bài suy niệm ngắn gọn tương tự của cùng tác giả **trong mỗi ngày**, xin liên lạc qua email: [minhanhhue06@gmail.com](mailto:minhanhhue06@gmail.com) – xin cảm ơn).

**Lm. MINH ANH, TGP. HUẾ**

**Hẹn gặp lại**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**NẠN ĐỘC QUYỀN**

*(Chúa Nhật XXVI TN B)*

Độc quyền kinh doanh sản xuất, độc quyền phân phối, buôn bán, độc quyền lãnh đạo đất nước, độc quyền làm việc thiện, độc quyền phụ trách công tác giáo dục…thực sự là những chước cám dỗ khó vượt qua. Khi đã nắm độc quyền thì vị thế của chúng ta là như bất khả xâm phạm và dĩ nhiên lợi ích của chúng ta luôn được bảo đảm. Đằng sau những thứ độc quyền ấy, có một thứ độc quyền chủ yếu chi phối tất cả, đó là độc quyền chân lý, nghĩa là chỉ riêng mình ta mới đúng và như thế những ai khác ta hay ngược với ta đều là sai lạc.

Khi Đức Chúa ban Thần khí cho cả những người không đến Lều Hội Ngộ, Giosuê đã xin Môsê ngăn cấm họ. Giosuê đã ngỡ ngàng trước câu trả lời Môsê: “Anh ghen dùm tôi à? Phải chi Đức Chúa ban Thần khí của Người trên toàn dân của Người để họ đều là ngôn sứ !” (Ds 11,29). Chắc chắn Môsê muốn nhắc bảo Giosuê rằng chớ nên độc quyền ân ban của Đức Chúa. Thần Khí Thiên Chúa luôn tự do như gió trời, muốn thổi đâu thì thổi (x.Ga 3,8).

Có nhiều thứ độc quyền xem ra hữu lý nhằm để bảo vệ quyền lợi nhà sản xuất, quyền tác giả…Tuy nhiên từ việc bảo vệ những quyền lợi chính đáng người ta cũng dễ dàng bị cám dỗ ganh tương đố kỵ và tìm cách loại trừ những ai có quyền lợi tương đồng như mình bằng nhiều hình thức. Người hành xử bằng sự độc đoán, độc quyền, chuyên chế vốn thường canh cánh trong lòng nỗi lo sợ kẻ khác tranh quyền, tranh lợi. Nguyên việc người ta như mình hay ngang hàng với mình họ cũng không chịu nỗi huống là qua mặt mình hay hơn mình. Lòng ganh tương, đố kỵ xui khiến chúng ta tìm đủ lý do, đủ mọi cách thế để kìm hãm tha nhân, dìm kẻ khác xuống hoặc ít ra là ngăn cản không cho người ta phát triển hay tiến lên. Thánh Giacôbê khẳng định “Ở đâu có ganh tương và tranh chấp, ở đấy có xáo trộn và đủ mọi thứ xấu xa” (Gc 3,16). Điều xấu xa, tồi tệ nhất đó là cả người ganh tương và người bị đố kỵ, cả hai đều bị hạn chế phát triển và khó có thể làm được sự gì tốt đẹp cách đúng nghĩa.

“Thưa Thầy, chúng con thấy có người lấy danh Thầy mà trừ quỷ. Chúng con đã cố ngăn cản, vì người ấy không theo chúng ta” (Mc 9,38). Ngài Gioan nêu một lý do xem ra có phần hữu lý. Nhưng đằng sau hai từ chúng ta, không biết thầy Giêsu có được bao nhiêu phần, nhưng phần của tập thể nhóm Mười Hai và cách riêng phần của ngài Gioan thì không nhỏ. Ẩn sâu dưới sự độc quyền chính là sự kiêu ngạo, tham danh, hám lợi. Chỉ có ta hay phe nhóm chúng ta mới là duy nhất đúng, vì thế chỉ có ta hay phe ta mới có quyền giáo dục, mới có quyền lãnh đạo… và rồi chỉ có ta, phe ta mới được hưởng lợi lộc và được tôn vinh. Đã từng có thời, Kitô hữu chúng ta cũng rơi vào tình trạng độc quyền chân lý. Chỉ có người Công Giáo mới nắm được chân lý, còn ngoài ra đều là tà đạo hay lạc đạo. Hậu quả của thái độ độc tôn, độc quyền thật đáng ghê sợ mà lịch sử ghi lại đó là những cuộc chiến tranh, những sự đàn áp bất công, loại trừ tha nhân cách này cách khác… Thánh Giáo hoàng Gioan-Phaolô II đã nhiều lần xin lỗi cách công khai, thì chúng tin chắc rằng trong tương lai sẽ chẳng còn xuất hiện những bước chân của đoàn quân thập tự hay các phiên tòa xử người dị giáo.

Kitô hữu tin rằng muốn được hạnh phúc đích thực và trường tồn thì phải qua Chúa Kitô, vì không ai có thể đến với Chúa Cha mà không qua Người, Đấng là Đường, là Sự Thật và là Sự Sống (x.Ga 14,6). Thế mà Chúa Giêsu đã nói với Gioan: “Ai không chống lại chúng ta là ủng hộ chúng ta” (Mc 9,40). Lời khẳng định của Người giúp ta xác quyết rằng cho dù chân lý là duy nhất nhưng vẫn có đó nhiều ngõ lối để tiếp cận. Hạnh phúc Nước Trời chỉ có một, nhưng Thiên Chúa có nhiều cách thế để ban chính mình cho nhân loại mọi thời và mọi nơi, trong mọi hoàn cảnh. Chúa Giêsu trong chuyện dụ ngôn ngày thế mạt đã minh họa sự thật này. Ngay cả những người tự nhận là khi sinh thời đâu có biết Người, thế mà họ cũng đã “ủng hộ” Người, nghĩa là tiếp bước theo Người và sống cho Người, để rồi đáng được hưởng phúc muôn đời (x.Mt 25, 31-46).

“Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ” (Mt 6,13). Một trong những chước cám dỗ mà ta cần xin Chúa cứu đỡ, đó là mặc cảm tự tôn. Tự tôn là một hình thái của kiêu ngạo. Khi mặc cảm tự tôn được hổ trợ bằng chút thế, chút lực thì người ta sẽ tìm cách giữ độc quyền trong hành động và sẽ độc đoán trong phán quyết. Độc quyền, độc đoán là một lối sống, một cung cách hành xử của kẻ độc tài và hệ quả tất yếu là những hành vi độc ác, dẫu cho có khi là vô tình. “Xin cứu chúng con cho khỏi sự dữ”. Lịch sử cho thấy người độc tài rất hiếm đem lại những điều tốt đẹp cho nhân loại, mà thường là những sự xấu xa, tồi tệ.

Đức Phanxicô và nhiều vị mục tử hàng đầu trong Giáo hội đã khẳng định chủ nghĩa giáo sĩ trị là một hình thái độc tôn, độc quyền. Đức Hồng Y Jean Claude Hollerich trong phiên họp chung thứ 12 về tính hiệp hành ngày 18/10/2023 tại hội trường Phaolô VI đã nói rằng nó là một trong những nguyên nhân chính làm phát sinh nhiều điều xấu xa trong Giáo Hội. Ngoài việc cảnh giác cho bản thân, thì bạn, tôi, chúng ta cần làm gì để hạn chế và tiến dần đến chỗ loại bỏ những hình thái độc quyền, độc tôn trong Giáo Hội và những cơ chế độc tài phi nhân, bất chính ngoài xã hội? Hãy chặt chúng đi! Hãy móc chúng đi! Đây là mệnh lệnh mang tính sống còn, không chỉ cho bản thân chúng ta mà còn cho những kẻ bé mọn là những người luôn được Thiên Chúa ưu ái.

***Lm Giuse Nguyễn Văn Nghĩa – Ban Mê Thuột.***

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**QUYỀN PHÁ THAI LÀ GÌ? TỪ ĐÂU VÀ DO AI CHO?**

**Trần Mỹ Duyệt**

Xã hội ngày nay, trong phần lớn các quốc gia là một xã hội của nền dân chủ pháp trị. Phong trào nữ quyền, một phong trào nhằm thay đổi xã hội và đời sống của phụ nữ theo chiều hướng tích cực, phát xuất từ Hoa Kỳ thập niên 1960 và 70 đòi hỏi bình quyền và những cơ hội và sự tự do hơn cho nữ giới. Nó được coi và xem như “con sóng thứ nhì” chủ nghĩa nữ quyền. Trong khi con sóng thứ nhất bắt đầu từ thế kỷ thứ 19 và tiền bán thế kỷ thứ 20 chủ tâm vào những quyền pháp lý của phụ nữ, đặc biệt quyền được bỏ phiếu, con sóng chủ nghĩa nữ quyền thứ hai cuốn theo nhiều lãnh vực thực tế hơn của phụ nữ, bao gồm chính trị, công ăn việc làm, gia đình, và tình dục. Tiếp nối là những con sóng thứ ba và thứ tư từ giữa thập niên 1990 và đầu năm 2010 của cơn hồng thủy chủ nghĩa nữ quyền, dẫn đến những quan niệm cực đoan, chủ nghĩa cá nhân đầy phóng túng, bất cập.

Một trong những quyền đi liền với quyền tự do tình dục là quyền tự do phá thai! Và quyền này hiện đang được chủ nghĩa nữ quyền đề cập đến tại hầu hết các quốc gia trên thế giới. Theo đó, quyền phá thai được quan niệm là một phần trong nhân quyền. Những đại diện, những người có trách nhiệm dân cử mà từ chối các phụ nữ, các thiếu nữ, hoặc những ai đang mang thai mà muốn phá thai là một hình thức kỳ thị và đi ngược lại hệ thống nhân quyền.

Nhưng phá thai là gì? Phụ nữ có cần phải đòi cho được quyền này hay không? Quyền phá thai có đi ngược với quyền được sống của thai nhi? Nữ quyền có xâm phạm đến quyền sống của một con người đang phát triển trong cơ thể của mình không? Và ai có quyền cho phép phá thai?

**PHÁ THAI LÀ GÌ?**

Phá thai theo nghĩa dùng trong y khoa là sự kết thúc một thai kỳ bằng cách loại bỏ hoặc lấy phôi, hay bào thai khỏi tử cung trước khi đến hạn kỳ sinh nở. Hành động này có thể xảy ra một cách có chủ đích, hoặc có thể xảy ra một cách không chủ đích.

Trong lịch sử, tranh cãi về phá thai có chủ đích đã là một chủ đề gây tranh luận lớn, trong đó có liên quan đến các vấn đề chủng tộc, đạo đức, triết học, sinh học và pháp lý. Các quan điểm về phá thai có thể miêu tả như là một sự tổng hợp giữa đạo đức xã hội, trách nhiệm, phạm vi cá nhân và phạm vi quyền lực của chính phủ trong chính sách công.

Kết quả các cuộc tranh luận về phá thai thường dẫn đến việc hợp pháp phá thai cũng như các luật lệ về phá thai. Nói chung, bên phản đối cho rằng phôi thai là một con người với quyền được sống, phá thai là hành động giết người. Bên ủng hộ cho rằng phụ nữ có một số quyền về sinh sản, trong đó đặc biệt là quyền lựa chọn có hay không hoàn thành một thai kỳ.

Từ ngữ phá thai chủ yếu nhắc tới trường hợp phá thai có chủ đích. Trường hợp vì tai nạn hay biến cố y khoa mà phôi thai hay bào thai bị loại bỏ gọi là sẩy thai. Do đó, phá thai tự do lựa chọn hay tự nguyện là khi nó được thực hiện theo yêu cầu của người phụ nữ mà không có các lý do y tế phụ thuộc. Sẩy thai là một hình thức phá thai không có chủ đích đối với một phôi thai hay bào thai trước tuần tuổi thứ 20 tới 22. Thai nhi chết trong tử cung sau khi đã hình thành, hay trong khi sinh  gọi là “thai chết lưu”. Thống kê cho thấy, mỗi năm trên thế giới có khoảng 73 triệu vụ phá thai, 61% trường hợp này là mang thai ngoài ý muốn, và 29% trường hợp thai nhi có bệnh lý hoặc dị tật buộc phải chấm dứt thai kỳ. [1]

Ngoài ra trong nhiều trường hợp đặc biệt, như khi siêu âm và những phương pháp chuyên môn khác như phân tích nước ối, khảo sát nhau (Chorionic villus sampling and amniocentesis) ... phát hiện thai nhi mang hội chứng Trisomy 14, Anencephaly…, hoặc bào thai có hại cho sức khỏe và nguy hiểm tính mạng người mẹ, hoặc những trường hợp mang thai vì bị hiếp dâm, loạn luân, phá thai trong những trường hợp này là một lựa chọn vô cùng khó khăn, đòi hỏi những nghiên cứu chuyên môn về y khoa, cũng như những hướng dẫn tinh thần khôn ngoan.

**Lý do phá thai**

Các lý do thông thường đưa đến quyết định phá thai đa số thuộc yếu tố kinh tế. Tài chính gia đình không đủ để có thêm một người con. Tiếp theo là sức ép xã hội như cha mẹ độc thân, công ăn việc làm, tiếp tục học hành, cơ hội tiến thân, sắc đẹp phụ nữ, hẹn hò trai gái, hiếp dâm, hoặc loạn luân. Ngoài ra còn có những lý do chính trị như nhằm nỗ lực kiểm soát dân số như chính sách một con của Trung Quốc, chính sách hai con của Việt Nam: “Dù gái hay trai, chỉ hai là đủ!” Chọn lựa trẻ em theo phái tính, trong đó cha mẹ qua việc phá thai để lựa chọn giới tính hay loại bỏ con gái. Hoặc tìm kiếm số phiếu của thành phần cử tri ủng hộ phá thai, phong trào nữ quyền quá khích. Sau cùng là sức khỏe của người mẹ.

Một kết quả khảo cứu khác cho thấy nguyên nhân và xác suất phá thai như:

-Hiếp dâm và loạn luân: 0.4%

-Nguy hiểm đe dọa tính mạng người phụ nữ hoặc những lý do quan trọng về cơ thể: 0.3%

-Những lý do liên quan đến sức khỏe người phụ nữ: 2.2%

-Thai nhi dị tật, dị hình: 1.2%

-Tự do và không có những lý do đặc biệt: 95.9%

Một cách tổng quát, những loại trừ thông thường đối với những giới hạn phá thai được ước tính dưới hơn 5% trong tất cả các trường hợp phá thai. [2]

**Xã hội và văn hóa**

Do những nhu cầu đòi hỏi và được đẩy mạnh của phong trào nữ quyền, phá thai đang là một hiện tượng nổi bật tại hầu hết các quốc gia, đặc biệt là những quốc gia tiên tiến và dân chủ. Theo các nhà hoạt động nữ quyền, lựa chọn phá thai là quyền của mỗi cá nhân người phụ nữ. Nó đáng được tôn trọng và không ai có quyền chỉ trích, phê bình hay kết án. Chủ đề phá thai đang trở thành đề tài gây tranh cãi hiện nay trong cuộc bầu cử của Hoa Kỳ.

Hiện nay trên thế giới, tại nhiều nước, phá thai không còn thực hiện một cách lén lút, nhưng nó đã trở thành công khai và được pháp luật bảo vệ. Những người theo thuyết nữ quyền thường đưa ra khẩu hiệu “Cơ thể tôi là của tôi” nhằm khẳng định quyền tự quyết của họ. Những phụ nữ này đòi quyền tự làm chủ bản thân mình, trong đó nhấn mạnh đến quyền sinh sản, và đặc biệt là quyền được phá thai. Họ cho rằng đây là nền tảng tiến bộ của người phụ nữ.

Một cái nhìn tổng quát về phá thai tính đến thời điểm 2024. Trong khi phong trào ủng hộ phá thai biến đổi không ngừng trong hai thập niên qua, hiện tại có 63% chủ trương phá thai nên được hợp pháp trong tất cả mọi tình huống, trong khi 36% cho rằng chỉ nên hợp pháp trong tất cả hoặc hầu hết các trường hợp.

Trong số ¾ những người Tin Lành Evangelical da trắng (White evangelical Protestants) tức 73% cho rằng phá thai nên hợp pháp trong tất cả hoặc hầu hết các trường hợp. Trong khi đó ngược lại 86% những người Mỹ không gần gũi với tôn giáo cho rằng phá thai nên được hợp pháp trong tất cả hoặc hầu hết các trường hợp, cũng như 71% những người Tin Lành da màu, 64% những người Tin Lành Nonevangelical da trắng (White nonevangelical Protestants) và 59% người Công Giáo.

Về phương diện phái tính, phần đông cả hai phái 61% đàn ông và 64% đàn bà bày tỏ ủng hộ hợp pháp phá thai. [3]

**Hậu quả của phá thai**

Phá thai, theo nguyên tắc phải được thực hiện tại những cơ sở theo quy định pháp lý một cách hợp pháp, và bằng những kỹ thuật an toàn. Dầu vậy, vẫn có những vụ phá thai không an toàn được thực hiện bởi những người không được đào tạo chuyên môn hay bên ngoài một cơ sở y tế. Thống kê cho biết:

-Sáu trong mười trường hợp thụ thai ngoài ý muốn đã kết thúc bằng việc phá thai.

-Phá thai là một trong những phương pháp an toàn khi thực hiện đúng các chỉ dẫn của y khoa được khuyến cáo bởi WHO, vào những thời điểm thích hợp và do những người được huấn luyện chuyên môn.

-Tuy nhiên, có khoảng 45% các trường hợp phá thai là không an toàn. [4]

**QUAN NIỆM VỀ PHÁ THAI**

Trong lịch sử, phá thai có chủ đích đã là một chủ đề từng gây nhiều tranh luận. Một quan điểm có liên quan đến các vấn đề chủng tộc, tôn giáo, đạo đức, triết học, tâm lý, sinh học, y khoa, và pháp lý phức tạp của xã hội.

Trong các cuộc tranh luận dù công khai hay không công khai, các lý lẽ được đưa ra ủng hộ hay phản đối tập trung vào việc có cho phép, về mặt đạo đức, thực hiện một ca phá thai có chủ đích không, hay sự biện minh cho các luật pháp cho phép hay hạn chế việc phá thai. Về lãnh vực tâm linh, rõ ràng và đặc biệt nhất là quan điểm đạo đức theo Kitô giáo.

Điều 1398 trong bộ giáo luật 1983 của Giáo Hội Công Giáo quy định rằng: “người nào thi hành việc phá thai có hiệu quả thì bị vạ tuyệt thông tiền kết.” Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã khẳng định: “Vì vậy, với quyền bính được Chúa Kitô trao cho Phêrô và những người kế vị, trong sự hiệp thông với tất cả giám mục của Giáo Hội Công Giáo, tôi xác nhận rằng việc trực tiếp và cố ý giết một người vô tội luôn luôn là điều vô luân nghiêm trọng. Giáo lý này căn cứ vào luật bất thành văn mà mọi người nhận thấy trong thâm tâm của mình dưới ánh sáng của lý trí (x. Rm 2, 14-15), được Thánh Kinh khẳng định và Truyền Thống Giáo Hội lưu truyền và được Huấn Quyền thông thường và phổ quát giảng dạy.”

Như thế, bất kỳ người Công Giáo nào cho rằng phá thai là không vô luân đều mang tội lạc giáo và phải gánh chịu vạ tuyệt thông tiền kết. Người cổ vũ cho việc phá thai thuộc vào tội đồng lõa. Những ai cổ vũ cho việc phá thai như tuyên truyền, phát thuốc, quảng cáo, tung ra phim ảnh, ủng hộ luật phá thai hợp pháp… thì cũng đều mang tội trọng và lãnh án vạ tuyệt thông tiền kết.

Một chính trị gia Công Giáo tham gia vào việc soạn thảo luật cho phép phá thai hay lên tiếng giữa dân chúng rằng mình ủng hộ chính sách phá thai thì cũng chịu cùng một tội và vạ trên. Khi một người bỏ phiếu tín nhiệm một quan chức ủng hộ phá thai thì người ấy được kể là kẻ đồng phạm và cũng mang vạ tuyệt thông tiền kết. Họ tự mình tách ra khỏi sự hiệp thông với Giáo Hội.

Đối với Phật Giáo, phá thai là một hành động tiêu cực và không nên để xảy ra. Phật giáo quan niệm sự sống con người bắt đầu từ lúc thụ thai. Phá thai tạo nghiệp xấu cho cả người mẹ và bào thai. Nghiệp xấu cho người mẹ là hành động sát sinh, đặc biệt đây lại là đứa con mình thai nghén nên. Nghiệp xấu cho bào thai là bị đánh mất một cơ hội được tái sinh làm người.

Dưới cái nhìn về luân hồi, mang thai là một sự việc thiêng liêng, và sự ra đời của một con người là một cơ hội hiếm quý. Với Phật Giáo, việc phá thai gây ra một ác nghiệp và người nạo phá thai sẽ phải nhận lãnh quả báo đọa địa ngục Vô Gián.[5]

**AI CHO QUYỀN PHÁ THAI**

Thật ra những người chủ trương phá thai, những người ủng hộ phá thai, và những người phá thai cứ tưởng rằng phá thai là quyền được hiến pháp bảo đảm và như vậy phá thai là hợp pháp. Tuy nhiên, ngày 24 tháng 6 năm 2022, Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ đã ra phán quyết vô hiệu hoá phán quyết Roe vs Wade năm 1973 và trao trả quyền quyết định phá thai cho quốc hội tiểu bang, tức người dân của mỗi tiểu bang sẽ trực tiếp bỏ phiếu hồ sơ này. Vậy, chính mỗi một người sẽ phải đối diện với lương tâm để suy xét cẩn trọng xem lý do chính đáng nào khiến họ quyết định giết một thai nhi vô tội. Họ sẽ phải tự hỏi họ nhân danh cái gì để hủy diệt sự sống mà họ không thể tạo ra, bởi lẽ sự sống của mỗi người chúng ta chính là một món quà vô giá của Thượng Đế.

Về phần mình, những người làm cha, làm mẹ nghe theo, chấp nhận những luật lệ này và cũng tự cho phép mình được phép giết hại con mình họ nghĩ thế nào? “Hổ dữ không ăn thịt con”. Lương tâm một con người, lương tâm người cha, người mẹ đồng ý phá thai để đâu? Họ có đủ lý do để bào chữa khi đứng trước Đấng là chủ sự sống để nói rằng, “Cơ thể tôi là của tôi”, tôi có quyền trên nó, và tôi có quyền phá thai?

Trong thâm tâm, tôi cũng không tin rằng những quan tòa, những thẩm phán, những nhà lập pháp, những chính trị gia ủng hộ và cho phép phá thai sẽ có đủ lý lẽ để bào chữa cho những đạo luật mà họ đã làm, đã bỏ phiếu, và đã ban hành để cho phép phá thai trước Đấng thông suốt hết mọi sự là Tạo Hóa muôn loài. Đấng đã phán: “Ngươi không được giết người.” (Exodus 20:13)

 \_\_\_\_\_\_\_

Tài liệu tham khảo:

1.Wikipedia contributors. (2023, November 14). Abortion – Wikipedia.

<https://en.wikipedia.org/wiki/Abortion>)

2. <https://lozierinstitute.org/fact-sheet-reasons-for-abortion/>

3. <https://www.pewresearch.org/religion/fact-sheet/public-opinion-on-abortion/>

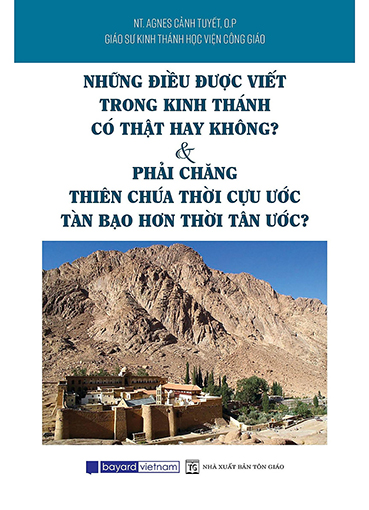
4. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/abortion>

5. [https://vi.wikipedia.org/wiki/Phá\_thai](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1_thai)

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**NGÀN NĂM LỊCH SỬ CỨU ĐỘ**

Tác Giả: Sr. CẢNH TUYẾT, O.P

Tiến Sĩ Thần Học Kinh Thánh (STD) Tại Paris & Sinh Viên Thực Thụ (Élève titulaire) Trường Kinh Thánh Khảo Cổ France Tại Giêrusalem

Giáo Sư Kinh Thánh Học Viện Công Giáo – HĐGMVN

Học Kinh Thánh với Sr Cảnh Tuyết, OP.

<https://bit.ly/3asDBFu>

hoặc: <https://www.youtube.com/playlist?list=PLCYhrIoEFb8VeanMZ1Ca1zTp9xWiaeMqW>

**NGÀN NĂM LỊCH SỬ CỨU ĐỘ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **???** | **>1200** | **1000** | **933** | **722** | **587** |
| Abraham | Xuất | David | Chia | Samaria thất | Lưu đày |
|  | Hành | – Salo- | đôi | thủ - Assyria | Babylon – |
|  |  | mon | Đất | (x. 2V17,5-6) | tướng |
|  |  |  | Nước |  | Nabucodono- |
|  |  |  | (x. 1V |  | sor (x. 2V |
|  |  |  | 12) |  | 25,1-7) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **538** | **333** | **167** | **63** | **70 (CN)** |
| Hồi | Thời Hylap | Cuộc nổi | Thời | Đền Thờ bị phá |
| Hương | – Alexan | dậy của nhà | Roma | tan (Lc 19,44) |
| –Cyrus | dria | Maccabe (x. |  |  |
| - Vua Ba |  | 1&2 Mcb) |  |  |
| tư (x. Er |  |  |  |  |
| 1,1-4) |  |  |  |  |

Chúng ta có thể lấy 11 điểm mốc quan trọng trong lịch sử dân Chúa, từ thời Abraham cho đến thời Chúa Giêsu.

1. **Tổ phụ Abraham**

Trước đây, các nhà chú giải nghĩ có thể xác định được niên biểu tổ phụ Abraham. Nhưng ngày nay người ta không còn nghĩ đến việc có thể xác định niên biểu thời Abraham nữa. Có giả thuyết phủ nhận cả sử tính của nhân vật Abraham, nhưng giả thuyết này đã bị từ chối bởi Giáo Hội qua tài liệu của Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, năm 2014. Theo truyền thống trong Kinh Thánh, Abraham từ thành Ur (x. St 11,31), miền Lưỡng Hà, và Chúa gọi ông đến miền Canaan (x. St 12,1-5). Abraham là tổ phụ Israel, mẫu gương của niềm tin qua sự vâng phục tuyệt đối trước mệnh lệnh của Thiên Chúa. Thiên Chúa thiết lập giao ước với tổ phụ Abraham và lời hứa ban đất Canaan cho dòng dõi ông (x. St 15,18).

**2. Biến cố Xuất Hành**

Cũng như về vấn đền sử tính của nhân vật Abraham, có giả thuyết phủ nhận sử tính của biến cố Xuất Hành, nhưng giả thuyết này đã bị từ chối bởi Giáo Hội qua tài liệu của Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, năm 201449. Theo một số các nhà chú giải, Xuất Hành có lẽ xảy vào khoảng những năm 1200. Chúng ta biết khó có thể nói chính xác về niên đại Xuất Hành, bởi vì có thể không phải chỉ có một cuộc Xuất Hành đã xảy ra, mà có thể có vài cuộc Xuất Hành.

Về đời sống đức tin, Xuất Hành chiếm một vị trí quan trọng trong Kinh Thánh và trong phụng vụ Do Thái giáo. Cho đến thời Chúa Giêsu, hàng năm, Israel cử hành Lễ Vượt Qua nhằm hiện thực hóa việc Chúa đã giải cứu dân Ngài khỏi ách nô lệ Ai Cập và đưa họ về miền Đất Hứa. Theo Kinh Thánh, Xuất Hành là biến cố khai sinh dân Israel; với Xuất Hành những gì còn nằm trong lời hứa với Abraham đó là đất và dân, thì nay đang được thực hiện.

Với Xuất Hành, Israel có kinh nghiệm về một thân phận nô lệ cực nhọc và tủi nhục nơi đất khách quê người; đồng thời Israel có kinh nghiệm về một Thiên Chúa giải thoát kẻ bị áp bức, về một Thiên Chúa trung tín với lời Ngài đã hứa cùng tổ phụ Abraham khi giải thoát họ khỏi tay Ai Cập và đưa về Đất Hứa.

Từ Xuất Hành đến thời Đavít, giai đoạn này là thời các Thẩm Phán. Dân sống không có tổ chức cơ chế. Lúc nào có biến loạn, thì một thủ lãnh đứng lên quy tụ dân để dẹp loạn, hết loạn, ai về nhà nấy (x. sách Thủ Lãnh).

**3. Năm 1000: Đavít - Salômon**

Trước Đavít, Saul đã làm vua, nhưng Saul là vua của miền Bắc. Đavít thống nhất đất nước, và làm vua toàn cõi Israel, cả miền Nam và miền Bắc (x. 2 Sm 5,1-5), và đặt thủ đô tại kinh thành Giêrusalem. Đavít là vị vua được coi là trung thành với Chúa, dù ông cũng là kẻ tội lỗi, nhưng một lòng trở về với Chúa. Thiên Chúa hứa với Đavít, qua ngôn sứ Nathan, sẽ làm cho ngai vàng của dòng dõi Đavít được bền vững mãi mãi (x. 2 Sm 7,13).

Ngay từ sách Thủ Lãnh, Kinh Thánh không hề ủng hộ việc Israel có vua như các dân nước xung quanh (x. Tl 9,7-21). Sách Samuel cũng cho biết, vì dân Israel đòi cho bằng được, Samuel phải cho họ có một vị vua; và Thiên Chúa đã sai Samuel xức dầu phong vương Saul làm vua Israel. Samuel cũng đã cho dân thấy việc Israel đòi có vua là một trọng tội mà Israel đã làm đối với Chúa (x. 1 Sm 8,1-22; 12,16-19). Sách Các Vua còn cho thấy chính các vua là những người đã lôi kéo dân Chúa đi vào con đường thờ tà thần. Và đây là nguyên nhân đưa đến đại họa mất nước cho Israel (x. 2 V 17,22-23) cũng như cho Giuđa (x. 2 V 23,26-27; 24,19-20).

Salômon, người kế vị Đavít, được ca ngợi là người khôn ngoan và giàu có, nhưng cuối cùng cũng chạy theo thói thờ tà thần. Ông là người xây cho Chúa ngôi Đền Thờ huy hoàng tại Giêrusalem, nhưng ông chỉ mất 7 năm để xây Đền Thờ cho Chúa; còn cung điện của riêng ông, ông dành đến 13 năm để xây (x. 1 V 6,37-7,1). Vì thế Salômon tăng thuế má khiến dân chúng phẫn nộ, và đưa đến cuộc ly khai Bắc - Nam (x. 1 V 12).

**4. Năm 933: chia đôi đất nước (x. 1 V 12)**

Ngay sau khi Salômon qua đời đất nước lại chia làm hai (1 V 12). Miền Nam gọi là Giuđa, miền Bắc là Israel.

Miền Nam, vua theo truyền thống cha truyền con nối, thuộc dòng tộc Đavít. Thành đô của miền Nam là Giêrusalem, và Đền Thờ tại Giêrusalem.

Miền Bắc, các vua tranh dành nhau để tiếm quyền (x. 2 V 9,22-10.11). Miền Bắc ly khai Miền Nam cả về chính trị và lẫn tôn giáo. Để dân miền Bắc khỏi lên Đền Thờ Giêrusalem, vua Giropam đã cho xây hai đền thờ, một ở Đan và một ở Bethel.

**5. Năm 722: Samaria thất thủ, rơi vào tay Assyria (x. 2 V 17,5-6)**

Niềm Bắc thường xảy ra chiến tranh với các nước láng giềng và có lúc khốn đốn, chẳng hạn nạn đói do bị quân Aram bao vậy (x. 2 V 6,24-31). Khi Assyria gây áp lực những nước quanh vùng đất Canaan, các nước này liên minh cùng nhau và với Israel chống lại Assyria. Các nước đồng minh kéo cả Giuđa vào cuộc, nhưng Giuđa không chịu theo liên minh. Vì thế các nước đồng minh cùng miền Bắc kéo nhau đánh miền Nam. Vua miền Nam lúc bấy giờ là Akhát, cầu cứu Assyria (x. 2 V 16,5-9 // Is 7,1-6). Nhân việc cầu cứu này, Assyria tấn công miền Bắc, bình địa thủ đô Samaria vào năm 722 (x. 2 V 17,5-6).

Vua Assyria đày người Samaria sang Babylon, và đưa các dân từ nơi khác đến sinh sống ở Samaria, tạo nên một dân vừa hỗn hợp về chủng tộc, vừa pha lẫn về tôn giáo (x. 2 V 17,5-6. 24-34).

Sau đó, Assyria đã tấn công Giuđa, nhưng không thành công (x. 2 V 18,13- 19,37).

**6. Năm 587: Lưu đày Babylon (x. 2 V 25,1-7)**

Đến lượt đế quốc Babylon lớn mạnh, thay chân Assyria bá chủ vùng Trung Đông. Năm 589 Nabucodonoso tiến đánh Giêrusalem, bắt một số người đày sang Babylon đợt I. Ngôn sứ Êdêkien nằm trong số những người lưu đày đợt I. Nhưng Giuđa vẫn ngoan cố tìm cách chống lại Assyria, vì Nabucodonoso lại tiến đánh Giêrusalem, bình địa thành và thiêu rụi Đền Thờ. Nabucodonoso bắt dân và vua Giuđa lưu đày sang Babylon đợt II, vào năm 587.

Lưu đày là một chấn động đối với niềm tin Israel: hoặc là Thiên Chúa Israel thua thần dân ngoại, hoặc Thiên Chúa không còn trung tín với lời hứa của Ngài. Các ngôn sứ sẽ giúp dân vượt qua thử thách đức tin này: Thiên Chúa không thua thần dân ngoại, nhưng là Ngài đã bỏ rơi dân Ngài vì tội bất trung của họ; nếu dân thật lòng hối cải, Thiên Chúa sẽ lại đưa dân trở về (x. Ed 37,1-14; 43,1-9).

**7. Thời Ba Tư - Hồi hương năm 538, (x. Er 1,1-4; Is 45,1-7)**

Cường quốc Babylon sụp đổ dưới sức mạnh của Ba Tư, Trung Đông rơi vào tay Ba Tư. Cyrus thống trị vương quốc với sự khoan dung mềm dẻo. Năm 538, vua Cyrus ra sắc cho dân Do Thái hồi hương. Sau 50 năm lưu dày, dân Do Thái được trở về tái thiết lại Đền Thờ và tường thành Giêrusalem.

Trong khi Isaia loan báo hồi hương như một niềm mong ước đầy tươi sáng (x. Is 40,1-5; 52,7-10), và người ta cũng cảm thấy hạnh phúc như trong giấc mơ khi có ngày được trở về Giêrusalem (x. Tv 126). Thế nhưng lúc trở về, thực tế hết sức khắc nghiệt, dân hồi hương chịu bao khó khăn làm họ nản lòng thất vọng (x. Er 4,1-5; Nhm 3,33-35; 4,10-17; 5,1-6).

**8. Thời Hy Lạp, năm 333**

Năm 333, vùng Trung Đông lại một lần nữa có sự thay ngôi đổi chủ, Alexandre đại đế lên ngôi, Hy Lạp trở thành cường quốc, thay chân Ba Tư thống lãnh vùng Trung Đông. Với thời Hy Lạp, cả vùng Trung Động chịu ảnh hưởng văn hóa Hy Lạp và cả ngôn ngữ Hy Lạp. Israel cũng chịu chung số phận dưới sự độ hộ của Hy Lạp.

Đại đế Alexandre là một vị vua bách chiến bách thắng, đến nỗi người dân coi ông như một thần minh. Nhưng rồi ông cũng phải chết như bao người khác, và chết ở tuổi 32, lúc đang độ sung sức của tuổi đời và của sự nghiệp.

**9. Năm 167, Antiochus kế vị Alexandre đại đế**

Vua Antiochus bắt dân Do Thái từ bỏ niềm tin Do Thái. Đây là giai đoạn bách hại đạo Do Thái. Dưới sự lãnh đạo của nhà Maccabe, người Do Thái tìm được sự tự do vào năm 164.

**10. Năm 63, dân Do Thái chia rẽ thành hai phe, mỗi phe ủng hộ vua riêng của mình**

Họ cầu cứu Roma làm trọng tài phân xử cho họ. Nhân dịp này, tướng Pompée, viện cớ để ủng hộ một phe Do Thái, chiếm thành Giêrusalem sau ba tháng bao vây. Đó là mở màn cho ách đô hộ của Roma, và sẽ kéo dài cho tới thế kỷ VII thời Công Nguyên khi quân Á Rập tràn vào xứ này.

**11. Năm 70 thời Công Nguyên**

Để trừng phạt sự nổi loạn của dân Do Thái, quân Roma, dưới sự chỉ huy của tướng Titus, đã đánh phá thành Giêrusalem và phá hủy Đền Thờ Giêrusalem. Đền Thờ Giêrusalem lúc này được tái thiết và trang hoàng lộng lẫy bởi vua Hêrôđê Cả, chỉ mới hoàn tất vào năm 63 thời Công Nguyên, tức là chỉ mới hoàn tất được vài năm đã bị thiêu hủy, đúng như lời ghi lại trong Tin Mừng: “Không còn hòn đá nào trên hòn đá nào” (x. Lc 21,6). Hiện thời, trên nền đất Đền Thờ Giêrusalem xưa là ngôi đền thờ tuyệt đẹp của người Hồi giáo; còn dân Do Thái chỉ đứng dưới bức tường còn sót lại, gọi là “Bức Tường Than Thở”, để cầu nguyện.

Nếu đến Giêrusalem, đứng dưới chân Bức Tường Than Thở nhìn lại lịch sử dân Chúa, ta có thể nhớ đến lời trong sách Giảng Viên: “Ở dưới bầu trời này, mọi sự đều có lúc, mọi việc đều có thời... Một thời để giết chết, một thời để chữa lành; một thời để phá đổ, một thời để xây dựng...”. Chúng ta gẫm về lời của ngôn sứ Isaia: “Phải, dân là cỏ: cỏ héo, hoa tàn, nhưng lời của Thiên Chúa chúng ta đời đời bền vững” (Is 40,7b-8). Nghĩ về Đền Thờ Giêrusalem nay không còn, chúng ta sẽ thấm thía hơn lời của Thầy Giêsu: “Nhưng giờ đã đến – và chính là lúc này đây – giờ những người thờ phượng đích thực, sẽ thờ phượng Chúa Cha trong thần khí và sự thật” (Ga 4,23).

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

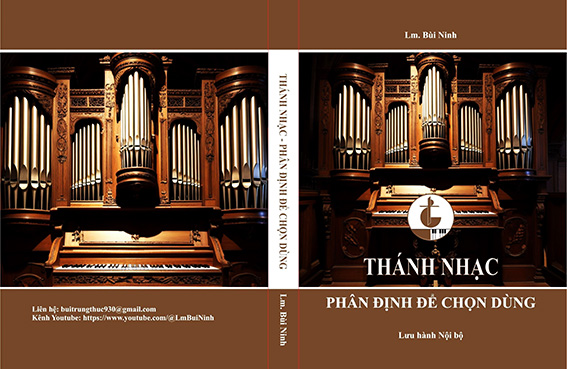
**HÁT CỘNG ĐOÀN TRONG THÁNH LỄ**

**Lm Bùi Ninh, Gp Bùi Chu**

**THÁNH NHẠC**

**PHÂN ĐỊNH ĐỂ CHỌN DÙNG**

****



**CHƯƠNG VI – THÁNH CA CẦU NGUYỆN**

**TRONG CỬ HÀNH THÁNH LỄ**

**tiếp theo và hết**

**II -** **HÁT CỘNG ĐOÀN TRONG THÁNH LỄ**

Theo ***Hướng dẫn Mục vụ Thánh nhạc*** của BTN trực thuộc HĐGM VN, số 25-28 thì *“trong khi cử hành Thánh Lễ, các tín hữu hợp thành dân thánh”*,cần phải *“tham dự trọn vẹn, tích cực và có ý thức”* và cần phải tránh *“mọi hình thức sống cá nhân và riêng rẽ”*, đặc biệt trong đó, *“ca hát là một trong những cách thế hàng đầu giúp cộng đoàn tín hữu tham gia cách tích cực vào phụng vụ”*.

Thế nhưng, vì nhiều lý do chủ quan và khách quan, trong nhiều thập niên qua, việc ca hát chung của cộng đoàn Phụng vụ không phải đã có thể thực hiện được cách xuôi thuận dễ dàng. Dĩ nhiên, dù đã có được những điều kiện thuận lợi, hay còn gặp những khó khăn ở nhiều phương diện, nhưng trong thực tế, những người hữu trách Thánh ca vẫn có thể tìm ra những giải pháp phù hợp khả thi, để *“giúp mọi người tham dự cách trọn vẹn, tích cực và có ý thức”*.

**1- Những thuận lợi**

Trong các *Đại Chủng viện* và *Dòng tu* luôn sẵn có những người phụ trách việc tập hát cộng đoàn với chuyên môn và lòng nhiệt thành. Đồng thời, tất cả quý Thầy, quý Sơ vốn có thói quen hát cộng đoàn mỗi ngày.

Tại các giáo xứ, một số*Cha xứ* đã cố gắng ý thức, quan tâm, khích lệ, tạo điều kiện trực tiếp hoặc gián tiếp, giúp giáo dân có thể tham dự Thánh lễ cách tích cực bằng lời kinh, tiếng hát trong cộng đoàn.

Tại một số giáo xứ thuộc hàng tiên phong, lâu nay đã có những *người phụ trách* lo việc tập hát cho cộng đoàn trước các Thánh lễ Chúa Nhật và Lễ trọng, một cách đều đặn, nhanh gọn, sốt sắng mà hiệu quả cho việc tham dự.

Nói chung, việc hát Thánh ca cộng đoàn tại các giáo xứ cũng được giáo dân tham dự cử hành Phụng vụ luôn ủng hộ, nhưng thường mới chỉ có hai nhóm dễ thực hiện và tích cực tham gia là nhóm*Thiếu nhi* và *Giới trẻ*.

Rất nhiều giáo xứ ngày nay cũng có các *phương tiện công nghệ* hiện đại, như máy chiếu màn hình trong Nhà thờ, giúp cho việc trình chiếu các bài hát, các phần Đối đáp trong các Thánh lễ được nhanh gọn dễ dàng.

Cho tới nay, số lượng *các tác phẩm* trong kho tàng Thánh ca Công giáo rất phong phú đa dạng, với nhiều bài Thánh ca bình dân khá phù hợp về âm vực và âm hưởng, đối với việc ca hát chung của cộng đoàn.

**2- Những khó khăn**

*Tâm lý của người Việt Nam* nói chung, người Công Giáo nói riêng còn có những điểm chưa mấy phù hợp cho việc ca hát cộng đoàn. Chẳng hạn người Việt Nam vốn có *tính cộng đồng* làng xã rất cao theo kiểu: *“Lá lành đùm lá rách” / “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ” / “Có phúc cùng hưởng, có họa cùng chia”*; nhưng lại thường tỏ ra e dè, nhút nhát, ngại ngùng thổ lộ bộc bạch trước tập thể. Vì thế, khi cử hành Phụng vụ, người tín hữu dễ có thói quen ngại ngùng thụ động, không muốn mở miệng hiệp lời hát ca. Hoặc người Việt Nam có *tính tự trị* rất lớn theo kiểu: *“Trống làng nào, làng ấy đánh. Thánh làng nào, làng ấy thờ” / “Đèn nhà ai, nhà nấy sáng. Việc nhà ai, nhà ấy làm” / “Ai có thân người ấy lo, ai có bò người ấy giữ” / “Thân trâu trâu lo, thân bò bò liệu*”. Vì thế, những việc mang tính tập thể thường bị tâm lý cá nhân dựa dẫm, ỷ lại chi phối, khiến cho nhiều người giáo hữu vẫn cho rằng việc đàn hát Thánh ca là của ca đoàn tự lo, chứ không phải là việc của cộng đoàn.

Trong thời đại công nghiệp hiện nay, quỹ thời gian dành để học hành, làm việc vì nhu cầu mưu sinh luôn được mọi người đặt ưu tiên hàng đầu. Cho nên, nơi nhiều giáo xứ, người tín hữu có thói quen đi lễ muộn, khó có thể tìm được *thời giờ thích hợp* để tập hát chung với cộng đoàn.

Một tình trạng thực tế là hiện nay, không ít những giáo xứ vẫn còn thiếu những *người ca trưởng* có khả năng âm nhạc phù hợp và lòng nhiệt thành hy sinh phục vụ đứng ra đảm nhiệm việc tập hát cho cộng đoàn tham dự Phụng vụ, trước các Thánh lễ Chúa Nhật và Lễ trọng.

Cho tới nay, vẫn còn rất nhiều nơi, đặc biệt rất nhiều giáo xứ miền quê nghèo nơi các giáo phận, khi muốn tổ chức tập luyện và đồng tâm hiệp lời hát Thánh ca chung, vẫn còn bị thiếu thốn *các phương tiện*về âm thanh, màn hình, sách vở Thánh ca dành cho cộng đoàn.

Một số *ca đoàn giáo xứ* đôi khi có tính cạnh tranh hơn thua, thường muốn ca đoàn mình có được vị thế trổi trang hơn, thậm chí là độc tôn khi đứng ra “bao sân” giành hát tất cả các bài Thánh ca trong Thánh lễ, kể cả các phần Bộ lễ (*Kinh Thương Xót, Kinh Vinh Danh, Thánh Thánh…*).

Cho tới nay, hầu hết *người giáo dân* *Việt Nam* chưa có điều kiện học hỏi, chưa được đào tạo hướng dẫn để có thể ý thức và biết thực hành được những tâm thế, thái độ và hành động tích cực cơ bản, mỗi khi tham dự cử hành các lễ nghi Phụng vụ, trong đó có việc hát chung cộng đoàn.

Trong các giáo phận, thường có một số các *Cha xứ* do không có tâm hồn yêu thích âm nhạc, nên cũng không mấy khi bận lòng để ý, thiếu hẳn sự quan tâm khích lệ, hoặc không tạo điều kiện giúp đỡ việc tập luyện ca hát Thánh ca cho cộng đoàn, những khi cử hành Thánh lễ.

**3- Những giải pháp**

**a- Giải pháp trong Tư duy**

Đối với những ai có tâm huyết phục vụ, hoặc những vị hữu trách Thánh nhạc, luôn phải giữ một nguyên tắc đáng được minh định rõ ràng là: từ trong cảm thức tư duy ý tưởng, tới khi thể hiện chủ trương định hướng thực hành, luôn cần phải tránh những kiểu tư duy phiến diện cách thái quá hoặc bất cập, về việc đàn hát trong Phụng vụ. Cụ thể như:

\* Có những ca trưởng thường *đề cao ưu thế của ca đoàn* một cách thái quá, thậm chí có khi là muốn giữ vị thế độc tôn, khi giành hát hết mọi bài trong Thánh lễ. Cho dù, nhiều khi một số ca đoàn đã cố công chuẩn bị tập thật luyện kỹ càng, nhưng với chủ ý chỉ muốn trình diễn những bài Thánh ca cho cộng đoàn thụ động lắng nghe khi hiệp thông tham dự Thánh lễ; thì cũng trở thành kiểu cách phục vụ tuy thật cầu kỳ vất vả, mà lại lệch lạc sai hướng.

Theo lối tư duy đó, có những ca trưởng khi đứng lên điều khiển hát Thánh ca, mà lại thể hiện sắc thái biểu cảm ngôn ngữ cơ thể quá lố như: bậm môi, trợn mắt, hất đầu, vung tay, bốc ném, dè chân, dạng cẳng… làm chia trí cộng đoàn, quấy tung không khí thánh thiêng Phụng vụ. Trong khi đó, một số ca viên được ưu tuyển lại cố gắng phô diễn giọng ca solo với kỹ thuật ẻo lả, phiêu du ca từ với những hành vi sân khấu; còn nhóm các ca viên khác thì hay thích trình diễn trang phục, tóc tai, lo quay phim chụp hình…

Trái lại, có những ca trưởng hoặc những vị hữu trách Thánh nhạc lại quá đề cao, *quá nhấn mạnh tới tính cộng đoàn* trong việc đàn hát khi cử hành Phụng vụ. Cho nên, họ lại đưa ra những định hướng cho các ca đoàn một cách áp đặt, phiến diện, dẫn đến những sai lầm lệch lạc tai hại.

Chẳng hạn như có người đứng ra định hướng *“trong mỗi Thánh lễ, Ca đoàn chỉ nên hát một hoặc hai bài riêng mà thôi”*… Khi những ai đó quá đề cao việc hát cộng đoàn như thế, là đã vô tình chủ trương định hướng “dậm chân tại chỗ”, hoặc thỏa hiệp với tính “bình dân tầm thường” trong nghệ thuật thánh của Giáo hội. Nếu ai làm như thế là đồng nghĩa với việc không cần khích lệ các ca trưởng, ca viên và người đệm đàn cần phải cố gắng trau dồi học hỏi, để có thể thăng tiến trong chuyên môn mỗi ngày, cho tới khi có thể đạt được tính nghệ thuật cao trong Thánh nhạc.

\* Có những ca đoàn cùng những ca trưởng chỉ ưa thích và thường xuyên chọn dùng *những bài Thánh ca “mới ra lò”*, cốt để “trình làng” nghe cho vui tai mới mẻ hợp nhĩ, tỏ vẻ chăm chỉ cập nhật cầu tiến thức thời, ngay cả khi các tác phẩm đó không biết đã được các vị chuyên môn hữu trách thẩm định và cho phép dùng trong Phụng vụ chưa. Còn có những ca trưởng luôn mang trong mình tâm thức “sính ngoại” ưa thích chọn dùng *những bài Thánh ca nhạc ngoại lời Việt*, hát lên nghe lơ lớ lời ca do lỗi cưỡng âm trái dấu, với giai điệu tiết tấu và âm hưởng xa lạ với cảm thức âm nhạc của giáo dân Việt Nam, mà đôi khi còn không rõ bản nhạc đó của Phụng ca Công Giáo, hay là của anh em Tin Lành… nhưng vẫn tự tin đem dùng trong Phụng vụ.

Trái lại, có những ca trưởng, hoặc thậm chí có những vị hữu trách Thánh nhạc lại quá đề cao, quá nhấn mạnh tới việc chọn *những bài Thánh ca đã quen cũ* để dùng trong Phụng vụ. Nhưng phải nói rằng, ngoại trừ một số ít tác phẩm hiếm hoi có giá trị vượt thời gian, còn lại, mỗi tác phẩm âm nhạc nói chung, những bài Thánh ca nói riêng, thường chỉ phù hợp với cảm thức âm nhạc và cách thể hiện lòng đạo đức của người tín hữu Công giáo trong một thời gian.

Để rồi, với sự thay đổi của hơi thở tiết tấu nhịp sống con người qua từng giai đoạn bối cảnh lịch sử xã hội, kéo theo sự chuyển biến thăng tiến của tư duy nghệ thuật âm nhạc mỗi thời, kể cả sự cập nhật đổi thay các quan niệm Thần học khác nhau trước và sau Công đồng Vatican II trong Giáo hội, đã đương nhiên bộc lộ ra những khiếm khuyết nơi không ít những bài Thánh ca đã quen cũ. Những tác phẩm có thể rất giá trị khi mới được viết ra và phổ biến, nhưng với thời gian văn phong lời ca tiếng Việt đã có thể thành cổ lỗi, phần hòa âm dễ dãi đơn điệu toàn quãng thuận (q.3, q.6) song song thiếu tính thẩm mỹ học thuật, đã trở nên nhạt nhẽo tầm thường không còn phù hợp với đương thời.

Hơn nữa, khi những ai đó chủ trương quá đề cao sử dụng “những bài cũ” như thế, thì lại một cách vô tình hoặc hữu ý đã giới hạn, làm “mất hứng”, muốn “khép cửa”, không “truyền lửa”, không tạo điều kiện để các tác giả mới có thể phát huy năng khiếu Chúa ban và học thuật cá nhân gắng công trau dồi; thậm chí đôi khi còn là *vô tình kìm hãm cơ hội phát triển và làm giàu* cho kho tàng Thánh nhạc Công Giáo, với những tác phẩm Thánh ca mới về phẩm và lượng.

Ngay cả chuyện những ai đó có ý định đứng ra tuyển chọn và phổ biến những *bài* hoặc *cuốn Thánh ca* với mong muốn áp dụng cho tất cả người Công Giáo Việt Nam trong và ngoài nước, nếu không cẩn trọng giữa cái “được và mất”, thì sẽ có thể làm cho giáo dân không có chuyên môn mặc định hiểu rằng chỉ những tác phẩm được chọn trong đó mới có giá trị nghệ thuật cao, còn những tác phẩm bên ngoài chưa được đưa vào chỉ là hạng thứ yếu, không đáng dùng… Khi đó, những người giàu óc tưởng tưởng sẽ có thể bị lầm tưởng rằng việc chọn lựa tác phẩm như thế mang hơi hướng “lợi ích nhóm”, trở thành duyên cớ cho sự vấp phạm.

\* Tóm lại, để tránh những kiểu tư duy phiến diện, lệch lạc, sai lầm trong việc đưa ra những định hướng cho cộng đoàn Phụng vụ trong việc đàn hát chung, thì những ca trưởng, nhất là những vị chuyên môn hữu trách cần phải có một lối tư duy chuẩn mực quân bình, biết dung hòa giữa cộng đoàn và ca đoàn, giữa những tác phẩm cũ và mới, để có thể vừa “ôn cố” duy trì bảo tồn, vừa biết “tri tân” mở ra những cơ hội thăng tiến phát triển mới. Bởi vì, Phụng vụ thánh của Giáo hội cũng luôn cần có sự kết hợp hài hòa sao cho vừa phong phú vừa linh động, vừa quen cũ vừa mới mẻ, vừa giản đơn vừa trang trọng; vừa có lời kinh tiếng hát vang lên chung của cả cộng đoàn, lại vừa có những tiếng đàn hát chuyên biệt của ca đoàn, với tính nghệ thuật thánh thiêng cao hơn.

Khi những người hữu trách thi hành phận vụ đối với Thánh nhạc mà có thể dung hoà được các hình thức tư duy quân bình và đem ra áp dụng phổ biến thực hành như thế, sẽ đương nhiên có thể giúp cho cộng đoàn tín hữu tham dự Phụng vụ cách tốt nhất. Khi đó cộng đoàn tham dự các cử hành nghi lễ thánh sẽ cảm thấy bình an vui mừng sốt sắng, không hề bị gò bó nhàm chán khô khan cứng nhắc; nhưng sẽ dễ dàng hiệp tâm hòa lời tham gia các Nghi lễ của Giáo hội cách tích cực linh động: lúc thì đọc kinh ca hát, lúc thì thinh lặng lắng nghe, khi thì nguyện cầu niệm suy.

**b- Giải pháp khi Thực hành**

Với chủ trương những người có trách nhiệm đối với Thánh nhạc luôn cần phải tư duy một cách quân bình dung hòa, tránh lối tư duy phiến diện thái quá hoặc bất cập; từ những khó khăn và thuận lợi nêu trên, chúng ta có thể đề ra một số gợi ý thực hành mang tính định hướng đối với việc hát Thánh ca trong cộng đoàn Phụng vụ như sau:

**\* Thực hành theo Đối tượng**

Những ngày *lễ Chúa Nhật* và *lễ Trọng* cấp giáo xứ: nên *ưu tiên cho việc* *hát cộng đoàn*, vì việc quy tụ tập dượt ôn hát Thánh ca cho cộng đoàn sẽ diễn ra thường xuyên, theo thông lệ quen thuộc, nên sẽ có thể thực hiện được cách dễ dàng hơn. Tuy nhiên, do tâm lý khép kín, e ngại trước tập thể vốn có của những người lớn tuổi xưa nay, thì việc áp dụng hát Thánh ca chung trong cộng đoàn Phụng vụ tốt nhất nên khởi đầu từ *nhóm Giới trẻ* và *lớp Thiếu nhi*. Bởi vì, những người trẻ thường hoạt bát năng động sôi nổi, thường yêu thích nhảy múa đàn ca và sẵn sàng mở lòng học hỏi khám phá tiếp thu những gì là mới mẻ trẻ trung. Các em cũng giống như những cành cây non còn dễ chăm sóc uốn nắn, tâm hồn các em cũng giống như tờ giấy trắng có thể dễ dàng vẽ lên đó những gì tốt đẹp, mà Thiên Chúa và Giáo hội mong muốn chỉ lối hướng dẫn, mỗi khi quy tụ nguyện ca.

Đối với những ngày *lễ Trọng đặc biệt* cấp giáo xứ, giáo phận, giáo tỉnh hoặc cấp độ quốc gia: nên dành vị thế ưu tiên quan trọng hơn cho *các ca đoàn* một cách xứng hợp, mặc dù trong Thánh lễ vẫn cần phải dành riêng một số bài, hoặc những phần cho việc *hát cộng đoàn*. Bởi vì, trong các ngày đại lễ này, việc hát Thánh ca với sự chuẩn bị chỉnh chu công phu, với khả năng chuyên biệt trong giọng ca và nhạc khí hòa tấu, sẽ có thể tấu lên những tác phẩm Thánh ca hợp xướng đa âm tương xứng với không khí tâm tình trang trọng của ngày Đại lễ. Nhờ đó, một đại tập thể hàng ngàn những người tín hữu đang tham dự cử hành lễ nghi Phụng vụ, dù có sở thích và sự am hiểu âm nhạc hay không, vẫn có thể dễ dàng được thăng hoa cảm xúc đạo đức, khi được hòa mình vào trong lời ca tiếng đàn của nghệ thuật âm nhạc thánh đích thật, để dễ dàng nâng tâm hồn lên cao hướng lòng về Chúa.

**\* Thực hành theo Nội dung**

Đối với những bài Thánh ca được phổ nhạc từ những bản văn Phụng vụ có *lời ca cố định* như các lời Kinh nguyện của Linh mục, lời Đối đáp giữa Linh mục hay Phó tế với cộng đoàn, kinh nguyện Thánh Thể, kinh Lạy Cha và Bộ lễ (*Kinh Thương Xót, Kinh Vinh Danh, Kinh Tin Kính, Kinh Thánh Thánh Thánh, Kinh Lạy Chiên Thiên Chúa*) phải được coi là có giá trị thánh thiêng và vị thế sử dụng *quan trọng Bậc 1*. Những bài Phụng ca chính thống này nên sử dụng một âm hưởng giai điệu đồng bộ chung (*như Bộ lễ Seraphim*) để chọn dùng và áp dụng cách phổ thông, rộng rãi trong các Thánh lễ từ cấp giáo họ, giáo xứ, tới cấp giáo phận, giáo tỉnh, quốc gia. Nhờ đó mà người tín hữu Công Giáo Việt Nam, dù đi hiệp dâng Thánh lễ tiếng Việt ở bất cứ nơi đâu, cũng đều có thể cùng nhau đồng thanh cất lời ngợi ca tôn vinh Thiên Chúa một cách đồng bộ, sốt sắng, trang nghiêm.

Đối với những bài Thánh ca được các tác giả phổ nhạc từ những bản văn Phụng vụ có *lời ca được phép thích nghi* như những bài *Đáp Ca* thuộc những Thánh Vịnh, những bài Thánh ca Cựu Ước (Đn 3 / Is 12 / Xh 15) và Thánh ca Tân Ước (Lc 1) nên được coi là có giá trị thánh thiêng và vị thế sử dụng *quan trọng Bậc 2*. Những bài Thánh ca Phụng vụ này, nếu có thể sắp xếp tập dượt hát chung được trong các Thánh lễ từ cấp giáo họ… lên tới cấp quốc gia, thì thật là quý giá và tốt đẹp, bằng cách hát *Đối đáp*, kết hợp giữa ca đoàn hoặc người lĩnh xướng (các câu Xướng) với cộng đoàn (câu Đáp). Nhờ đó, giá trị của hình thể Đáp Ca được trở nên tròn đầy ý nghĩa: Thiên Chúa phán với dân Người trong Bài đọc I, cộng đoàn đáp lại Lời Chúa qua bài Thánh Vịnh Đáp Ca. Khi ấy, Phụng vụ thánh sẽ thật sự sốt sắng trang nghiêm, cộng đoàn sẽ tham dự cách *“tích cực và có ý thức”.*

Đối với những bài có *lời ca được phép thay thế* văn bản Phụng vụ như *Ca Nhập lễ, Ca Dâng lễ, Ca Hiệp lễ, Ca Kết lễ*, thì có thể được coi là có giá trị thánh thiêng và vị thế sử dụng *quan trọng Bậc 3*. Những bài Thánh ca bậc này nên được chọn dùng, sắp xếp tập dượt hát chung một số bài quen thuộc ở phần *Ca Nhập lễ* (để quy tụ cộng đoàn), *Ca Kết lễ* (để giải tán và khích lệ cộng đoàn ra đi)… trong các Thánh lễ của giáo họ, giáo xứ. Những bài Thánh ca do các tác giả tự đặt lời được chọn dùng hát chung cho cộng đoàn, cần có nội dung lời ca mang tính tập thể *“chúng con / đoàn con”*, không nên chọn những bài có tính riêng tư cá nhân xưng *“con”*, đặc biệt kiêng tránh những bài xưng *“tôi”* với Thiên Chúa theo kiểu dạng *Thánh Ca Vào Đời*, trừ khi tác phẩm được đặt lời theo nguyên ý Thánh Vịnh nào đó. Những phần còn lại trong Thánh lễ, vẫn nên dành riêng cho ca đoàn đàn hát những bài có âm hưởng và lời ca mới mẻ, phù hợp với tâm tình cầu nguyện của cộng đoàn và ý nghĩa của ngày lễ.

Nhìn lại từ những điều kiện được xem là thuận lợi, tới những vấn đề bị coi là khó khăn đối với việc đàn hát Thánh ca chung trong cộng đoàn Phụng vụ, chúng ta cũng đã có thể tìm ra được một số giải pháp tạm thời mang tính khả thi áp dụng cho các Thánh lễ Chúa Nhật, lễ Trọng thông thường hay đặc biệt; từ cấp độ giáo họ, giáo xứ tới tầm mức giáo phận, giáo tỉnh, quốc gia. Những giải pháp xem ra khá quân bình trong tư duy và khi thực hành này, cũng không phải là những nguyên tắc khô cứng áp đặt gò bó, mà cần được đem áp dụng trong thực tế tùy theo hoàn cảnh cụ thể, một cách linh hoạt sáng tạo, miễn sao cho các lễ nghi Phụng vụ của Giáo hội được người tín hữu hiệp tâm chung lời đồng ca cử hành cách trang trọng sốt sắng, nhằm để *“tôn vinh Thiên Chúa và thánh hóa các tín hữu”*.

\*\*\*\*\*

Như thế, việc chọn dùng những bài ca cho từng phần của Thánh lễ (*Ca Nhập lễ, Kinh Thương Xót, Kinh Vinh Danh, Thánh Vịnh Đáp Ca, Tiền Xướng Tin Mừng – Alleluia, Kinh Tin Kính, Ca Tiến lễ, Ca Hiệp lễ, Ca Kết lễ*) cùng với việc hát cộng đoàn trong Thánh lễ, tuy là hai công việc khác nhau, nhưng cùng chung một mục đích là đều mong muốn tìm ra những giải pháp tối ưu, để chung lời ngợi ca tôn vinh Thiên Chúa và thánh hóa xin ơn cho người tín hữu.

Có điều khi ai đó thật sự đã dấn thân vào công việc phục vụ cộng đoàn dân Chúa trong lãnh vực Thánh nhạc này, sẽ nhận ra chỉ có một số ít những điều kiện thuận lợi, bên cạnh khá nhiều những điều khó khăn trở ngại trong việc chọn dùng những bài Phụng ca, cũng như mỗi khi trực tiếp triển khai, hoặc đứng ra thực hiện việc tập luyện ca hát cộng đoàn. Những thuận lợi hoặc khó khăn đó thường đến từ hai phía chủ quan hay khách quan, từ nhân sự hay vật lực.

Nhưng dù cho tài sức khả năng hữu hạn, điều kiện phụ trợ không nhiều, nhưng những ai thật sự có lòng nhiệt thành tâm huyết, hoặc những người có bổn phận trách nhiệm đối với nền Thánh nhạc, sẽ không quản ngại chi. Vì với ơn Chúa trợ giúp, khi tận dụng những nén bạc Chúa trao, những người đó sẽ có thể vận dụng những giải pháp khả thi, để sinh lời lãi nhiều nhất, trong việc phụng thờ Thiên Chúa và phục vụ tha nhân bằng lời ca tiếng hát nơi dòng nhạc thánh.

**TỔNG KẾT**

1- Như vậy, khi tìm về nền tảng cội nguồn Thánh nhạc trong Thánh Kinh và Thánh Truyền, chúng ta đã cơ bản hiểu được khái niệm, những đặc tính và chức năng của Thánh nhạc Công giáo. Theo đó, *“Thánh nhạc là loại âm nhạc được sáng tác để thờ phượng Thiên Chúa”*, cho nên nó luôn mang đặc tính là *“phải biểu lộ sự thánh thiện và diễn tả được hình thức nghệ thuật cao”*. Đồng thời, *“vì Thánh nhạc được coi như trợ tá của Phụng vụ”*, cho nên nó không có mục đích nào khác, ngoài một ý hướng đa chiều là nhằm để *“tôn vinh Thiên Chúa và thánh hóa các tín hữu”.*

Chính vì thế, trong những cơ hội hoàn cảnh phục vụ Thánh nhạc thực tế, khi đối diện trực tiếp với những tác phẩm Thánh ca cụ thể dùng để phục vụ các nghi lễ Phụng vụ, chúng ta đã nhận thấy cần phải phân định các tác phẩm một cách cẩn trọng nghiêm túc, dựa theo những nguyên tắc khách quan theo chuẩn mực của Giáo hội. Vấn đề phân định này được đặt ra không phải chỉ là đối với các ca trưởng có bổn phận chọn lựa sử dụng, mà còn và trước hết là trách nhiệm của những người sáng tạo nên các tác phẩm ấy, cùng với những vị chuyên môn hữu trách có khả năng thẩm định và có quyền cho phép được phổ biến lưu dùng.

Từ hiện trang thực tế cho thấy, trong cả tập Tài liệu này, nhiều bài Thánh ca đã được chọn làm ví dụ minh họa, cho dù được trích dẫn từ những Tuyển tập Thánh ca Phụng vụ được coi là giá trị và uy tín hàng đầu hiện thời, nhưng vẫn để lộ ra những khiếm khuyết hay những điều không ổn trong âm nhạc và lời ca, như là dấu hiệu của tính tương đối bất biến, của khả năng hữu hạn “nhân vô thập toàn”.

2- Muốn tránh được những sai vết đáng tiếc đó, một lộ trình dài với những hướng đi đa chiều đã lần lượt được khơi mở ra, qua việc phân tích nhận diện tiêu chí các tác phẩm Thánh ca Cầu nguyện. Theo đó, khi các nhạc sĩ Công Giáo cảm hứng sáng tác, những vị chuyên môn hữu trách đặt bút phê duyệt, các ca trưởng và ca viên đồng thuận chọn dùng bài Thánh ca, thì cần phải có những kiến thức và đủ kỹ năng, để biết phân biệt bài Thánh ca Cầu nguyện với các tác phẩm Thánh ca Vào đời, phải quy chiếu những tác phẩm Phụng ca với các Quy chuẩn tiếng Việt, với Văn hóa Việt Nam, với Thần học tiếng Việt, và với các nguyên tắc chọn dùng các bài Thánh ca cụ thể trong Cử hành Thánh lễ.

Với thể loại **Thánh ca Vào đời**, ngay từ xuất xứ đến những đặc điểm và đời sống lưu hành, với những thành công thành kiến mà dòng nhạc đã nhận được và gánh chịu; chúng ta đã nhận ra tác động ảnh hưởng và những hệ quả đa chiều trên chính những ai cảm hứng sáng tác và những người chọn lựa nghe dùng. Không chỉ đối với những cây viết mới, mà ngay cả những tác giả đã có nghề, nhiều khi trong nội dung từng tác phẩm riêng lẻ, hoặc nơi hệ thống sắp xếp bài ca trong cùng tuyển tập cũng đã không có sự minh định rõ ràng giữa các bài Thánh ca Vào đời với Phụng ca.

Điều đó làm cho diện mạo nền Thánh nhạc Việt Nam vốn còn non trẻ và chưa được phát triển tới tầm mức cần thiết như Giáo hội mời gọi mong đợi, lại càng dễ có nguy cơ dẫn đưa người trẻ đi chệch hướng chính lộ, trong cả tư duy và thực hành. Dòng nhạc Thánh ca Vào đời ngay từ đầu đã có tiêu chí và hướng đi riêng, phân biệt rất rõ với Nhạc thánh Phụng vụ. Vì thế, chúng ta nên trả lại chỗ đứng phù hợp trong trật tự của mỗi thể loại, để kho tàng Thánh nhạc mỗi ngày thêm phong phú, bên nhau tỏa sắc hương.

Với quy chuẩn về**Ngôn ngữ tiếng Việt** trong các tác phẩm Thánh ca Cầu nguyện, vấn đề tưởng chừng như là điều giản đơn, là lẽ thường tình tất yếu mà những người sáng tác, thẩm định, chọn dùng phải luôn lưu tâm chú trọng hàng đầu. Nhưng qua những ví dụ minh họa cụ thể cho thấy việc viết lời một bài Thánh ca cho đúng, cho phù hợp với những tiêu chí thuộc về quy chuẩn tiếng Việt thật sự không hề dễ dàng. Trong khi đó, để những bài Phụng ca thật sự có giá trị nghệ thuật như Giáo hội mong đợi, thì các tác giả còn phải biết vận dụng các biện pháp tu từ một cách sáng tạo khéo léo quân bình trung dung. Lời bài Thánh ca thuộc thể thơ mà không phải là thứ thơ ca mơ màng ảo huyền, thuộc thể văn mà không phải là loại khẩu ngữ kể lể liệt kê. Dù thể loại thơ hoặc văn nội dung bài Thánh ca cũng đều phải diễn tả chuyển tải những chân lý Thánh Kinh, Thần học minh xác.

Việc diễn tả các chân lý đức tin Công Giáo trong nội dung các tác phẩm Thánh nhạc sao cho phù hợp với nền văn hóa các dân tộc nói chung, với **Văn hóa Việt Nam** nói riêng, luôn là điều Giáo hội bao lâu nay thao thức trăn trở khích lệ. Tất nhiên, để làm được công việc “hội nhập văn hóa”, thì trước hết cần phải biết “tôn trọng văn hóa” trước đã. Cụ thể, những bài Thánh ca được viết bằng tiếng Việt, dành cho những người Công Giáo Việt Nam trong nước và ở hải ngoại sử dụng, thì khi đặt lời ca, các tác giả cần phải khám phá, tôn trọng những giá trị tốt đẹp của nền văn hóa dân tộc mình, để vận dụng cách linh hoạt vào nội dung các tác phẩm. Vì thế, lời và nhạc bài Thánh ca không thể bỏ qua, đứng trên hoặc đi ngược lại với những quy chuẩn về giao tiếp ứng xử trong tâm thức và thực hành văn hóa của người Việt bao đời nay. Nhất là khi người tín hữu cầu nguyện xin ơn bằng Thánh ca trực diện với Thiên Chúa, Đức Mẹ hoặc các Thánh.

Đặc biệt vấn đề diễn tả các chân lý đức tin Công Giáo sao cho phù hợp với nền **Thần học tiếng Việt** luôn được những người sáng tác cũng như những người sử dụng Thánh ca coi trọng và đặt ở vị thế ưu tiên hàng đầu. Thế nhưng sự thái quá hoặc bất cập trong tư duy quan niệm, hoặc ở cách trình bày chuẩn xác các luận cứ Thần học bằng tiếng Việt trong một số tác phẩm đã không luôn suôn sẻ và đạt được hiệu ứng tích cực, như đáng lẽ tự nó phải có. Bởi vì, không chỉ do ngôn ngữ Thần học tiếng Việt hiện nay đã tiến triển đổi thay và dần được minh định, mà còn do nền Thần học sau Công đồng Vatican II đã có những nét mới mẻ trong quan niệm về thế giới quan và nhân sinh quan. Điều đó đưa đến hệ quả tất yếu là những bài Thánh ca nào còn “dậm chân tại chỗ” trong việc sử dụng những ngôn từ cổ lỗ, hoặc diễn tả tư duy quan niệm xưa cũ một cách bi quan tiêu cực về thế giới và con người, hoặc bộc lộ lòng đạo đức cảm tính quá đà, thì đều đã hết “đát” lưu hành sử dụng “tiền kết”.

Thế nhưng trong cả tập Tài liệu này, rất nhiều các tác phẩm Thánh ca đã được chọn làm ví dụ minh họa, được trích dẫn từ những Tuyển tập Thánh ca Phụng vụ đang được coi là giá trị và uy tín hàng đầu hiện thời; khi đem quy chiếu với đặc điểm của dòng Thánh ca Vào đời, với quy tắc ngôn ngữ tiếng Việt, với nếp văn hóa Việt Nam, với nền Thần học tiếng Việt, và nhất là khi đem chọn dùng trong các phần của **Phụng vụ Thánh lễ**, thì còn lộ diện nhiều vấn đề xét dưới những góc cạnh đa chiều. Điều đó đã làm cho những ai có lòng mộ mến tiếp xúc, những người đã, đang và sẽ còn nhiệt tâm phục vụ dân Chúa bằng Thánh nhạc sẽ tự cảm thấy rằng mình còn phải cố gắng và ý thức trách nhiệm nhiều hơn nữa, trong việc sáng tác Thánh ca cũng như việc học hỏi, phân định để chọn dùng cho cộng đoàn Phụng vụ.

Khi mỗi người Kitô hữu yêu mến Thánh nhạc không ngừng tìm kiếm, tiếp tục học hỏi, cập nhật thường xuyên để có được sự thăng tiến trong tư duy và thực hành Thánh ca, thì đó chính là cách đang làm cho “những nén bạc” Chúa trao nơi mình được triển nở sinh lời lãi. Trong hành trình tiếp tục hoàn thiện đó, tâm thế khiêm hạ và thái độ cẩn trọng theo kiểu *“cẩn tắc vô ưu”* hoặc *“cẩn tắc vô áy náy”* với ý nghĩa là cẩn thận thì sẽ không phải lo lắng về sau; xem ra vẫn luôn còn tròn đầy giá trị, đối với các bậc hữu trách có thẩm quyền, đối với các nhạc sĩ sáng tác, cũng như đối với các ca trưởng, ca viên ca đoàn. Bởi vì, tất cả những ai dù là người sáng tác, chuẩn nhận, hoặc chọn dùng cũng đều cùng chung chí hướng và mục đích là mong muốn đem tài sức mọn hèn của mình, để làm công việc cao cả là *“tôn vinh Thiên Chúa và thánh hóa các tín hữu”* trong cộng đoàn Phụng vụ.

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**CÁC MỐI TƯƠNG QUAN VÀ CON ĐƯỜNG SỐNG THÁNH**

# Lm Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss

**NGƯỜI NỮ TU**

**SỐNG TU ĐỨC TOÀN DIỆN**

# LỚP THẦN HỌC LIÊN TU SĨ

# TÒA GIÁM MỤC BÙI CHU

# 2008 – 2009

**CHƯƠNG BA**

**CON ĐƯỜNG SỐNG THÁNH (tiếp theo)**

**C.** **CÁC MỐI TƯƠNG QUAN VÀ CON ĐƯỜNG SỐNG THÁNH**

## Con người không phải là thiên thần, mà cũng chẳng phải là con vật, nhưng mang sẵn cả hai yếu tố đó, trong mọi chiều kích nhân bản và thiêng liêng.

## Tất cả mọi người đều được mời gọi nên thánh qua tiến trình làm người, làm người kitô hữu và làm người tông đồ, nghĩa là thành nhân đã rồi mới thành thánh nhân.

## Người đi tu làm linh mục và tu sĩ vẫn không thôi là con người, khi đang nỗ lực nên thánh trong bậc sống ơn gọi và sứ vụ của mình.

## VẬY THÁNH THIỆN LÀ GÌ?

## Trước hết, sự thánh thiện không phải là, hay không chỉ là:

## - một cái gì trừu tượng,

## - một cái gì chúng ta mặc vào mình,

## - những việc đạo đức tốt lành nào đó trong đời mình,

## - một vai trò chúng ta đảm nhận,

## - vấn đề luân thường đạo lý,

## - một hệ thống tự hoàn hảo của con người,

## - chỉ qui về đời sống bên trong của một người...

Sự thánh thiện là tất cả những cái đó ở trong một bối cảnh rộng lớn hơn, nghĩa là, đạt đến sự thánh thiện không chỉ là nỗ lực của con người, nhưng còn là công trình của ân sủng Chúa, qua các mối tương quan của cuộc sống.

## Như thế, sự thánh thiện có liên quan đến các mối tương quan, ở trong các mối tương quan và nhờ các mối tương quan:

## Đã có một thời người ta liên kết sự thánh thiện với việc đọc kinh, thực hành các bổn phận tôn giáo và những việc đạo đức, một cách cá nhân.

## Thực ra, sự thánh thiện được liên kết chặt chẽ với các mối tương quan với Chúa, với bản thân, với tha nhân và với môi trường thiên nhiên, trong đó tương quan với Chúa là nền tảng.

## "Lời mời gọi nên thánh trong mối tương quan sâu xa với Thiên Chúa và lời mời gọi phục vụ và hy sinh dựa trên việc thiết lập những tương quan lành mạnh với mọi người" (Trích Thông cáo báo chí của Hội Nghị Các Giám Mục Á Châu từ 27/8 - 1/9/2007 tại Thái Lan)

## CON NGƯỜI MUỐN NÊN THÁNH phải nỗ lực mỗi ngày để nên đồng hình đồng dạng với CHÚA GIÊSU (Tình yêu bao gồm và không loại trừ), trong các mối TƯƠNG QUAN

## - VỚI CHÚA

## - VỚI CHÍNH MÌNH

## - VỚI THA NHÂN

## - VỚI THIÊN NHIÊN

## - VỚI TỨ CHUNG

## dưới sự dẫn dắt của Chúa Thánh Thần.

## - Các mối tương quan này rất tương thuộc và tương tác lẫn nhau, nên nếu có cái gì “trục trặc” trong một tương quan thì các tương quan khác cũng bị ảnh hưởng. Chính trong và qua các mối tương quan này mà chúng ta được lớn lên trong sự thánh thiện. Do đó, để có được sự thánh thiện, các mối tương quan này đều phải hòa nhập và giữ đúng vị trí, hài hòa, quân bình và trưởng thành.

## - Có được các mối tương quan như thế được coi là có được sự thánh thiện. Như vậy, sự thánh thiện không được hiểu theo một cá nhân biệt lập, nhưng theo mối tương quan toàn diện của cá nhân với Thiên Chúa, với tha nhân, với chính mình và với môi trường sống (thiên nhiên).

## - Sự thiếu trưởng thành thiêng liêng của chúng ta là do việc chúng ta thiếu những tương quan đích thực, hay có những tương quan không trưởng thành, những tương quan sai lầm, những ngăn chặn và sợ hãi tâm lý của chúng ta trong những tương quan.

## - Khi những tương quan vắng mặt trong đời sống chúng ta thì sự thánh thiện cũng vắng mặt. Và khi những tương quan bị ngăn cản trong đời sống chúng ta thì sự thánh thiện cũng bị ngăn cản. Do đó, người ta nói đến sự thánh thiện hay nhân đức ảo và nhân đức thật.

## THÁNH THIỆN và TỘI LỖI

## Chúng ta cũng cần nói đến mối tương quan giữa sự thánh thiện và tội lỗi:

## - Tội lỗi và sự thánh thiện nên được hiểu theo những mối tương quan đích thực hay không đích thực. Nếu những mối tương quan của chúng ta là những liên hệ tình yêu không chân chính hoặc thiếu tình yêu đích thực thì lúc đó có tội.

## - Theo Kinh Thánh, tội lỗi và sự thánh thiện được hiểu trong bối cảnh của những mối tương quan. Trong Cựu Ước: tội của Ađam và Evà, tội của Israel, tội của Cain, tội của Vua Đavít… tất cả là những tội ở trong và bởi các mối tương quan. Trong Tân Ước, tội cũng được hiểu theo sự không có hoặc thất bại không thiết lập được những tương quan, hay thiếu những tương quan tình thương hoặc có những tương quan tình thương sai lầm và đi xa khỏi những tương quan ngay chính.

## - Chúa Giêsu coi tội là tình trạng tha hóa phẩm giá con người hơn là chỉ những vô trật tự luân lý (ngày Sabbath vì con người, chứ không phải con người vì ngày Sabbath). Chính những người Biệt phái và Luật sĩ cũng hiểu tội lỗi và sự thánh thiện trong bối cảnh lề luật và nghi thức.

**I. LIÊN HỆ VỚI THIÊN CHÚA**

# TƯƠNG QUAN NỀN TẢNG

# Tương quan với Chúa Cha

# Tương quan với Chúa Giêsu, đặc biệt Chúa Giêsu chịu đóng đinh và Chúa Giêsu Thánh Thể

# Tương quan với Chúa Thánh Thần

# Tương quan với Đức Mẹ

# Tương quan với các thiên thần, nhất là thiên thần giữ mình

# Tương quan với thánh cả Giuse, thánh Quan Thầy và các thánh

Liên hệ với Thiên Chúa là khía cạnh quan trọng nhất của đời sống độc thân thánh hiến.

Liên hệ với Thiên Chúa là tuyệt đối then chốt để sống độc thân thánh hiến hiệu quả. Do đó quyền ưu tiên phải được dành cho liên hệ này.

Liên hệ với Thiên Chúa được bày tỏ qua đời sống thiêng liêng và cầu nguyện. Cầu nguyện không là gì khác hơn là liên hệ của chúng ta với Thiên Chúa. Cầu nguyện là liên hệ với Thiên Chúa, đối thoại với Thiên Chúa, thông hiệp với Thiên Chúa, ở với Thiên Chúa, ở trước nhan Thiên Chúa, ý thức về Thiên Chúa.

Đây là liên hệ siêu ngôi vị. Liên hệ siêu ngôi vị này bao gồm hai ngôi vị: một ngôi vị thần linh và một ngôi vị con người. Trong liên hệ này, ngôi vị Thần linh đến với chúng ta và chúng ta, những con người, đi tới Người, trong tiến trình cầu nguyện mang chiều kích vừa thần linh vừa nhân loại.

Thiên Chúa là Chúa của liên hệ và liên kết.

Khi Thiên Chúa liên hệ với chúng ta, chúng ta có thể hoặc nói “vâng” hoặc nói “không” với Ngài. Khi chúng ta nói “vâng” thì lúc ấy có liên hệ. Và đây là Liên hệ Siêu ngôi vị và cũng là sự Thánh thiện siêu ngôi vị.

Độc thân thánh hiến phải giúp chúng ta phát triển liên hệ này với Thiên Chúa. Do đó, chúng ta chú ý đến một sự nối kết chặt chẽ giữa độc thân thánh hiến và đời sống cầu nguyện.

Độc thân thánh hiến là một hồng ân liên hệ đặc biệt với Thiên Chúa. Chính nhờ liên hệ của chúng ta với Thiên Chúa, chúng ta di chuyển đến tất cả những liên hệ khác. Kính mến Thiên Chúa nâng cao liên hệ tình yêu của chúng ta với người khác.

Nếu chúng ta loại trừ Thiên Chúa ra khỏi liên hệ của chúng ta, thì chúng ta có thể trở thành phá hoại chính bản thân mình và người khác.

Thiết lập mối liên hệ cá nhân với Thiên Chúa qua đời sống cầu nguyện là chiều kích hàng dọc trong liên hệ của chúng ta (đối thần); còn thiết lập liên hệ cá nhân với anh chị em chúng ta là chiều kích hàng ngang trong liên hệ của chúng ta (đối nhân). Chiều kích hàng dọc này là động cơ thúc đẩy và là ý nghĩa đích thực cho chiều kích hàng ngang trong đời sống chúng ta.

# II. TƯƠNG QUAN VỚI THA NHÂN

# Tương quan với Bề Trên

# Tương quan với các nữ tu đàn chị

# Tương quan với bạn đồng môn

# Tương quan với các nữ tu đàn em

# Tương quan với các nữ tu tương lai và các mầm non ơn gọi tu sĩ

# Tương quan với các linh mục và nam tu sĩ

# Tương quan với các linh mục lớn tuổi và có trách nhiệm

# Tương quan với các linh mục bằng tuổi và có trách nhiệm

# Tương quan với các linh mục trẻ

# Tương quan với các mầm non ơn gọi giáo sĩ

# Tương quan với giáo dân nói chung

# Tương quan với Ban Hành Giáo

# Tương quan với các đoàn thể

# Tương quan với những người già cả, bệnh tật và hấp hối

# Tương quan với các đàn ông góa vợ, nhất là các đàn ông góa trẻ

# Tương quan với giới trẻ

# Tương quan với giới thiếu nhi

# Tương quan với những người phục vụ trong nhà xứ, nhất cô bếp

# Tương quan với Chính Quyền

# Tương quan với các tôn giáo bạn, nhất là các vị lãnh đạo

# Tương quan với lương dân.

# Tương quan với giới giàu có

# Tương quan với giới nghèo

Liên hệ của chúng ta với nhau được gọi là liên hệ liên nhân vị. Có một thời người ta cho việc liên hệ của mình với Thiên Chúa mới quan trọng, còn liên hệ với nhau thì không mấy quan trọng. Kết quả là tu sĩ tránh liên hệ gần gũi với những người mình thi hành thừa tác vụ cho.

Những liên hệ với con người chỉ được coi là vấn đề riêng tư. Kết quả là một số tu sĩ có liên hệ trí thức và thiêng liêng với con người, chứ không có liên hệ tình cảm và nhân bản, luôn giữ thái độ xa cách và loại trừ. Và tình trạng có thể đưa tới bất cập hay thái quá.

Liên hệ liên nhân vị là một chiều kích quan trọng của tình yêu của người độc thân thánh hiến. Thánh Gioan chối bỏ khả năng kính mến Chúa ở đâu thiếu vắng tình yêu con người. Ngài mặc nhiên nối kết lòng kính mến Chúa với tình yêu con người. Ngài nhấn mạnh rằng không thể kính mến Chúa là được, nếu không có tình yêu con người.

Tình yêu Thiên Chúa là suối nguồn, là nền tảng và động lực của tình yêu con người. Tình yêu con người là sao chép, biểu lộ và diễn tả tình yêu Thiên Chúa. Người không yêu thương cận nhân của mình thì không thể biết Thiên Chúa, không thể kính mến Thiên Chúa được: “Nếu một người nói rằng mình kính mến Thiên Chúa, nhưng lại ghét anh em mình thì người ấy là kẻ nói dối. Vì người ấy không thể kính mến Thiên Chúa, Đấng mà người ấy không thấy, nếu người ấy không yêu thương người anh em của mình, người mà người ấy thấy. Ai kính mến Thiên Chúa thì cũng phải yêu thương anh em” (1Ga 4, 7-21).

Trong khi chúng ta đi tìm kiếm Thiên Chúa, thì chúng ta cũng phải đi qua tình yêu và tình bạn nhân loại *(“qua sông nên phải lụy đò, tối trời nên phải lụy O bán dầu”)*. Chính nhờ chúng ta cảm nghiệm tình yêu nhân loại, chúng ta mới cảm nghiệm được tình yêu Thiên Chúa.

Một số người trong chúng ta chưa tiếp xúc được với tình yêu Thiên Chúa và chưa được tình yêu Thiên Chúa óac động, vì chúng ta chưa thực sự tiếp xúc với con người và chúng ta chưa để cho con người tiếp xúc với chúng ta. Nếu chúng ta không yêu thương một con người khác, mà chỉ kính mến Thiên Chúa, thì chúng ta chẳng yêu mến ai cả. Nếu chúng ta chưa phải lòng con người, thì chúng ta chưa thực sự phải lòng hữu thể thần linh: “Không thể có cảm nghiệm về Thiên Chúa, nếu không được một cảm nghiệm về thế giới làm trung gian.”

(Hát BÀI CA YÊU THƯƠNG)

Cái làm trung gian cho cảm nghiệm về Thiên Chúa chủ yếu là liên hệ của con người với những con người khác” (Karl Rahner, *Doctrine and Life* tr. 71). Những mối liên hệ liên nhân vị là thánh thiêng tự bản chất và chúng mạc khải diện mạo của Thiên Chúa. Thái độ cá nhân “Tôi và Thiên Chúa” hay “Tôi và Chúa Giêsu” mà không có liên hệ với con người là xa lạ đối với ý thức Kitô giáo.

Tu sĩ trở thành một phần của cộng đoàn Dân Chúa gồm những con người phục vụ lẫn nhau. Nhờ những việc phục vụ này, tu sĩ thiết lập được mối liên hệ tình yêu với Thiên Chúa và con người. Do đó, cùng đích và cốt yếu của người tu sĩ hệ tại việc cổ vũ những mối liên hệ quân bình, hài hòa và trưởng thành.

Nhưng vì những việc phục vụ có đặc điểm là liên hệ tình yêu, một số trong các liên hệ với con người có thể dẫn đến chỗ vi phạm độc thân thánh hiến. Do đó, tu sĩ phải rất thận trọng trong các liên hệ của mình, vì luôn luôn có nguy cơ liên quan đến liên hệ.

Do có những nguy cơ liên quan đến những liên hệ của chúng ta, nên một số người trong chúng ta tránh xa con người và những mối liên hệ, và để hết tâm trí vào công việc; thậm chí trở thành những người tham công tiếc việc.

Tâm lý tham công tiếc việc giữ chúng ta xa khỏi sự thách đố của những liên hệ độc thân thánh hiến đích thực *(không có cám dỗ khơng có công nghiệp; chưa có cám dỗ chưa chắc đã được bảo đảm),* và cũng làm cho sứ vụ chúng ta trở nên xa lạ và mất hiệu quả. Khi tránh xa những liên hệ thì chúng ta sẽ xơ cứng trở thành những người thực hiện, những công chức, những cỗ máy…

Chúng ta có thể thậm chí tìm những bù trừ và thay thế dễ dãi để lấp vào chỗ những liên hệ đích thực, như thích ăn nhậu, âm nhạc, báo chí, chim cá kiểng, truyền hình v.v… Những thứ đó dễ hơn nhiều so với nỗ lực thiết lập những mối liên hệ tốt với con người.

Một số người trong chúng ta tránh liên hệ và do đó trở thành những nhà trí thức lạnh lùng, thay vì những con người có tình có nghĩa trong liên hệ. Chúng ta trở thành những công chức thay vì những người phục vụ thân tình, thấu cảm. Chúng ta trú ẩn vào việc làm chuyện này chuyện nọ, vào xây cất, vào thành công, vào những lễ hội nọ cử hành kia, vào địa vị và quyền lực.

Độc thân ‘vì Nước Thiên Chúa’ phải là cái gì xây dựng được những tương quan con người mạnh mẽ. Cha Connolly nhận xét: “Giáo huấn truyền thống của chúng ta về độc thân thánh hiến đã không xử lý vấn đề này một cách tích cực hay sáng tạo. Nó mạnh mẽ can ngăn việc phát triển bất cứ liên hệ con người nồng ấm nào, bên trong hay bên ngoài cộng đoàn, và nhất là với bất cứ phần tử khác phái nào. Nó dạy chúng ta yêu người, nhưng yêu trên tầm mức phục vụ chung chung (quảng đại và dễ thương), chứ không để hết tâm trí hay không có liên hệ cá nhân” (F.B. Connolly CSSR, *Religious life: A Profile of the Future.* Bangalore: Asian Trading Corporation, 1985. tr. 31)

Việc phát triển liên hệ con người là nền tảng, vì không có những liên hệ ấy thì người độc thân thánh hiến sẽ không cảm nghiệm được hạnh phúc. Sự thiếu hạnh phúc này sẽ hạn chế chứng tá của mình cho niềm vui được tìm thấy trong sự thông hiệp với Thiên Chúa. Dân ngoại đánh giá cộng đoàn kitô đầu tiên: “Xem kìa, họ thương yêu nhau dường nào!” và họ đã muốn sống như thế mà Đạo được phát triển.

Không có việc phát triển những liên hệ con người thì người độc thân thánh hiến sẽ không là một thừa tác viên hữu hiệu của sứ điệp Thiên Chúa và tình yêu của Ngài được.

Một người được kêu gọi đến đời sống độc thân thánh hiến phải tìm kiếm sự thân mật với Thiên Chúa, và đồng thời, người ấy phải gầy dựng sự thân mật với những con người khác. Khi hai chiều kích của sự thánh thiện này vắng bóng trong cuộc đời và thừa tác vụ của chúng ta thì khả năng nên thánh của chúng ta cũng vắng bóng trong cuộc đời chúng ta.

Chính trong và nhờ các mối liên hệ (với Chúa và với con người) mà chúng ta lớn lên trong sự thánh thiện. Nhưng cũng chính trong và vì các mối liên hệ với con người này mà chúng ta phải chiến đấu và có khi vấp ngã, hoặc làm cho anh chị em mình phải chiến đấu và vấp ngã.

(Video TÌNH YÊU VÀ SỨ MỆNH)

# III. TƯƠNG QUAN VỚI CHÍNH MÌNH

# Người được Chúa Thánh Thần thánh hiến, chiếm hữu và hướng dẫn.

# Người của siêu nhiên và cầu nguyện.

# Người của linh thánh.

# Người có một nền tảng Kinh Thánh vững chắc.

# Người mở ra với hiệp thông.

# Người hăng say truyền giáo.

# Người cởi mở đối thoại.

# Người của truyền thông xã hội.

# Người nhạy cảm với các vấn đề xã hội.

# Người của sứ vụ tiên tri.

**MÔ HÌNH NGƯỜI NỮ TU HÔM NAY VÀ NGÀY MAI**

Tây phương có câu ngạn ngữ “Trong khi rèn, người ta trở thành thợ rèn.” Cũng thế, càng sống đời tu sĩ, chị em càng trở nên tu sĩ hơn. Nhưng công cuộc được đào luyện và tự đào luyện còn nhiều gian nan, cần ơn Chúa và cố gắng bản thân.

(Hát CHÚNG CON CẦN ĐẾN CHÚA)

**1. TU SĨ LÀ NGƯỜI ĐƯỢC CHÚA THÁNH THẦN CHIẾM HỮU VÀ HƯỚNG DẪN**

# Mẹ Maria là kiểu mẫu mọi thời cho người nữ tu để mình được Chúa Thánh Thần: - tác động, - chiếm hữu - và hướng dẫn.

# 

# Trình thuật truyền tin tô đậm nét cho xác quyết này:

# ‘Việc ấy sẽ xảy ra cách nào được, vì tôi không biết đến việc vợ chồng!’

# ‘Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà, vì thế, Đấng Thánh sắp sinh ra sẽ được gọi là Con Thiên Chúa’

# “Đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được.”

# “Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói.”

# Lk 1, 34-35,37-38

# Nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần, Mẹ Maria mang thai Chúa Giêsu. Nhờ Mẹ mang Chúa đến thăm, bà Elizabeth được đầy Chúa Thánh Thần: *“Bà Êlisabét vừa nghe tiếng bà Maria chào, thì đứa con trong bụng nhảy lên, và bà được đầy tràn Thánh Thần”* (Lk 1,41)

# Một số nhân vật Phúc Âm được đầy Chúa Thánh Thần:

# Gioan Tẩy Giả: *“Vì em bé sẽ nên cao cả trước mặt Chúa…và ngay khi còn trong lòng mẹ, em đã đầy Thánh Thần”* (Lk 1,15)

# Dacaria: *“Dacaria, được đầy Thánh Thần, liền nói tiên tri rằng…”* (Lk 1,67)

# Giuse (x. Mt 1,18-24; Lk 2,1-7)

# Simêon: “*Ông là người công chính và sùng đạo, ông những mong chờ niềm an ủi của Israel, và Thánh Thần hằng ngự trên ông. Ông đã được Thánh Thần linh báo là ông sẽ không thấy cái chết trước khi được thấy Đấng Kitô của Chúa. Được Thánh Thần thúc đẩy, ông lên đền thờ.”* (Lk 2:25-27)

# Đặc biệt Chúa Giêsu:

# - Được Isaia báo trước: *“Thần khí của Đức Chúa là Chúa Thượng ngự trên tôi, vì Đức Chúa đã xức dầu tấn phong tôi, sai đi báo tin mừng cho kẻ nghèo hèn, băng bó những tấm lòng tan nát, công bố lệnh ân xá cho kẻ bị giam cầm, ngày phóng thích cho những tù nhân, công bố một năm hồng ân của Đức Chúa, một ngày báo phục của Thiên Chúa chúng ta; Người sai tôi đi yên ủi mọi kẻ khóc than…”* (Is. 61,1-2)

# - Chính Chúa Giêsu khẳng định về mình ở Hội đường Nazareth: *“Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn. Người đã sai tôi đi công bố cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha, cho người mù biết họ được sáng mắt, trả lại tự do cho người bị áp bức, công bố một năm hồng ân của Chúa… Hôm nay đã ứng nghiệm lời Kinh Thánh quý vị vừa nghe”* (Lk 4,18-21)

# Cũng như mọi người, nữ tu đã lãnh nhận Chúa Thánh Thần và trở nên đền thờ Ngài ngự. Vài đoạn Kinh Thánh nói rõ điều đó:

# - Mk 1,8 *“Tôi thì tôi làm phép rửa cho anh em trong nước, còn Người, Người sẽ làm phép rửa cho anh em trong Thánh Thần.“*

# Lk 3,16 “*Tôi, tôi làm phép rửa cho anh em trong nước, nhưng có Đấng mạnh thế hơn tôi đang đến, tôi không đáng cởi quai dép cho Người. Người sẽ làm phép rửa cho anh em trong Thánh Thần và lửa*.”

# Ga 1,33 *“Tôi đã không biết Người. Nhưng chính Đấng sai tôi đi làm phép rửa trong nước đã bảo tôi: "Ngươi thấy Thần Khí xuống và ngự trên ai, thì người đó chính là Đấng làm phép rửa trong Thánh Thần."*

# Ga 3,5 Đức Giêsu đáp: *"Thật, tôi bảo thật ông: không ai có thể vào Nước Thiên Chúa, nếu không sinh ra bởi nước và Thần Khí.”*

# Tđcv 1:5 *“Ông Gioan thì làm phép rửa bằng nước, còn anh em thì trong ít ngày nữa sẽ chịu phép rửa trong Thánh Thần.”*

# Nười nữ tu phải để Chúa Thánh Thần hướng dẫn, như đã làm với chính Chúa Giêsu:

# Mt 4,1 *Bấy giờ Đức Giêsu được Thần Khí dẫn vào hoang địa, để chịu quỷ cám dỗ.*

# Mk 1,12 *“Thần Khí liền đẩy Người vào hoang địa.”*

# Lk 4,1 *“Đức Giêsu được đầy Thánh Thần, từ sông Giođan trở về.”*

# Người nữ tu cũng được Chúa Thánh Thần dạy dỗ và nhắc nhở mọi điều Chúa Giêsu đã dạy: *“Nhưng Đấng Bảo Trợ là Thánh Thần Chúa Cha sẽ sai đến nhân danh Thầy, Đấng đó sẽ dạy anh em mọi điều và sẽ làm cho anh em nhớ lại mọi điều Thầy đã nói với anh em”* (Ga 14,26)

# Thánh Thần cũng sẽ dạy cho biết phải nói gì: “*Khi người ta đưa anh em ra trước hội đường, trước mặt những người lãnh đạo và những người cầm quyền, thì anh em đừng lo phải bào chữa làm sao, hoặc phải nói gì, vì ngay trong giờ đó, Thánh Thần sẽ dạy cho anh em biết những điều phải nói”* (Lk 12,11-12)

# Thánh Thần còn nói thay cho nữa:

# Mt 10,20 *“Thật vậy, không phải chính anh em nói, mà là Thần Khí của Cha anh em nói trong anh em.”* MK 13,11 *"Khi người ta điệu anh em đi nộp, thì anh em đừng lo trước phải nói gì, nhưng trong giờ đó, Thiên Chúa cho anh em biết điều gì, thì hãy nói điều ấy: thật vậy, không phải chính anh em nói, mà là Thánh Thần nói.”*

# Chúa Thánh Thần giúp kiện toàn đời sống và sứ vụ bằng 7 ơn của Ngài: - Khôn ngoan, - tri thức, - thấu hiểu, - sức mạnh, - lo liệu, - đạo đức - và kính sợ Chúa.

# Chúa Thánh Thần đã ngự xuống trên các tông đồ dưới hình những lưỡi lửa, cho họ nói các thứ tiếng khác nhau, biến đổi họ nên can đảm rao giảng Chúa Kitô Phục Sinh và hôm ấy có khoảng ba ngàn người theo Đạo (x. Tđcv 2,1-41).

# Chúng ta phải trung thành và ngoan ngoãn nghe theo ơn soi sáng của Chúa Thánh Thần, hầu mang lại hoa trái: Bác ái, vui mừng, bình an, nhẫn nại, tế nhị, tốt bụng, quảng đại, hòa nhã, trung tín, khiêm tốn, tự chủ và thanh khiết.

# Xin Chúa Thánh Thần dùng môi miệng của ta mà

# nói điều Chúa muốn nói;

# xin Ngài soi sáng trong trí khôn cho ta viết lại;

# Ngài cũng có thể cầm tay ta giúp ta viết lên điều Ngài muốn;

# xin Ngài viết ra trên vách cho ta xem mà chép lại, như trường hợp Danien giải thích cho vua Bensatsa: “Thiên Chúa đã cho bàn tay đến viết hàng chữ kia. Đây là những chữ đã được viết ra: MƠ-NÊ, TƠ-KÊN, PƠ-RẾT.

# Và đây là lời giải thích:

# MƠ-NÊ có nghĩa là đếm: Thiên Chúa đã đếm và chấm dứt những ngày của triều đại ngài;

# TƠ-KÊN có nghĩa là cân: ngài đã bị đặt trên bàn cân và thấy là không đủ;

# PƠ-RẾT có nghĩa là phân chia: vương quốc của ngài đã bị phân chia và trao cho các dân Mêđi và Batư.” (Dn 5,24-28)

# 2. TU SĨ LÀ NGƯỜI CỦA SIÊU NHIÊN VÀ CẦU NGUYỆN

# Tu sĩ phải thực sự là một con người của đạo đức và cầu nguyện, nghĩa là có đời sống thông hiệp cá nhân sâu xa với Chúa Ba Ngôi.

# Điều ấy được biểu lộ rõ nét trong mối tương quan với tha nhân: tu sĩ suy nghĩ với tinh thần của Chúa, nhìn thấy với con mắt của Chúa, và yêu thương với con tim của Chúa…

# Đời sống cầu nguyện làm cho tu sĩ có khả năng ý thức về chính mình và sự lệ thuộc của đời sống ơn gọi của mình vào Thiên Chúa.

# Tu sĩ ý thức sự hiện diện và hoạt động của Chúa trong cuộc sống hằng ngày của mình bằng sự trao hiến trọn vẹn chính mình và lụy phục hoàn toàn nơi Chúa, noi gương Chúa Giêsu Kitô.

# Đời sống cầu nguyện giúp tu sĩ tìm thấy Chúa Giêsu nơi tha nhân, đặc biệt nơi những người đau khổ, bệnh tật, nghèo hèn, ở bên lề, bị áp bức, và thấp cổ bé miệng,… ngõ hầu yêu thương và phục vụ họ, như Chúa Giêsu đã dạy và đã làm gương.

# Dân chúng mong đợi nhìn thấy tu sĩ là người của Chúa, có kinh nghiệm sống với Chúa và dạy cho họ biết làm thế nào để cầu nguyện.

# 3. TU SĨ LÀ NGƯỜI CỦA LINH THÁNH

# Tu sĩ phải nên giống Chúa Giêsu, tiếp tục sứ vụ của Chúa Giêsu, Đấng đã được Chúa Cha thánh hóa và sai đến trong trần gian để cứu độ trần gian (Jn 10,36).

# Tu sĩ phải để mình được đào luyện và tự đào luyện trở thành con người của linh thánh, bởi vì tu sĩ là “người của Chúa, thuộc về Chúa và làm cho dân chúng nghĩ tới Chúa, đồng thời giúp dân chúng trở về với Chúa và đạt tới Chúa” (PDV số 47).

# Yếu tố linh thánh này rất quan trọng trong các tôn giáo truyền thống Á Châu. Nó có khả năng giúp sứ mệnh khơi dậy niềm tin tại Việt Nam. Tông huấn Ecclesia in Asia nhấn mạnh rằng dân chúng Á Châu cần nhìn thấy nhà tu là “những con người mà tâm trí luôn hướng về những sự cao siêu của Thánh Thần” (EA số 43)

# Các sư sãi và ni cô của Phật giáo có một kỹ luật tu đức nhấn mạnh đến tự chế, bỏ mình và thanh thoát khỏi thế trần, hầu chiến đấu chống lại các cám dỗ và say mê tìm kiếm giải thoát. Sự kiện này thách thức chúng ta đào sâu tu đức của mình; nếu không, chứng tá của chúng ta trong xã hội Việt Nam sẽ giảm bớt khả năng thuyết phục.

# Chúng ta cần học hỏi ở họ lối sống như cửa mở vào cõi thiêng và phương tiện hiệp thông với linh thánh, đồng thời củng cố đời sống nội tâm tông đồ truyền giáo của chúng ta. Nếu chúng ta thực sự sống cách vui tươi, hạnh phúc và trung thành nếp sống Phúc Âm và các nhân đức kitô giáo (đặc biệt vâng lời, khó nghèo, thanh khiết), chứng tá và sứ vụ của chúng ta sẽ rất hữu hiệu. “Điều đó rất đúng với bối cảnh Á Châu, nơi mà dân chúng cảm thấy được thuyết phục bởi đời sống thánh thiện hơn là bởi những tri thức lý sự” (EA số 42).

# Đức Phaolô VI bảo rằng thời đại này tin vào các chứng nhân hơn là thầy dạy, và nếu họ có tin vào các thầy dạy thì bởivì các thầy dạy đó là những chứng nhân.

# Ở trong Giáo Hội, chúng ta có đủ mọi phương tiện thích hợp, tự nhiên cũng như siêu nhiên, để trở nên con người của linh thánh. Việc quan trọng nhất là chúng ta kiên trì thực hành các phương thế ấy trong cuộc sống hằng ngày.

# 4. TU SĨ LÀ NGƯỜI CÓ NỀN TẢNG KINH THÁNH VỮNG CHẮC

# (Hát theo slideshow LẮNG NGHE LỜI CHÚA)

# Sống trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian, tu sĩ “được mời gọi biến đổi thế gian, chứ không phải để bị thế gian biến đổi.”

# Ma quỉ đã dùng lời Kinh Thánh để cám dỗ Chúa Giêsu trong sa mạc, Chúa Giêsu cũng đã dùng Lời Chúa mà chiến thắng và xua đuổi ma quỉ. Do đó, tu sĩ phải là một con người đức tin, được đức tin tác động mãnh liệt, với một nền tảng Thánh Kinh vững chắc, vì mọi cuộc khủng hoảng đều do thiếu đức tin mà ra.

# Tuy nhiên, tu sĩ cũng có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố văn hóa và tâm thức xã hội, chính trị, kinh tế (nạn gian lận, hưởng thụ…). Vì thế, việc đào tạo và tự đào tạo hôm nay cần ghi nhớ các yếu tố này trong khi nỗ lực xây dựng và phát triển sức mạnh siêu nhiên hầu thăng tiến và hoàn thiện tự nhiên.

# Chúng ta cũng phải ý thức về trình độ trưởng thành nhân bản và thiêng liêng của từng người, để sống và đào luyện thích hợp như thánh Phaolô nói: *“Tôi cho anh em ăn sữa chứ không phải thức ăn cứng, vì anh em chưa đủ sức, và cho đến nay anh em vẫn chưa thể”* (cf. 1 Cor 3,2).

# Chúa Giêsu cũng nhắc các tông đồ tương tự: *“Thầy còn nhiều điều phải nói với anh em. Nhưng bây giờ, anh em không có sức chịu nổi. Khi nào Thần Khí sự thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật tồn vẹn”* (Ga 16,12-13)

# Với nền tảng Thánh Kinh vững chắc, tu sĩ sẽ vượt thắng những thách đố và chiến đấu trăn trở về tự do và phục tùng với bộ ba “quyền phục, lý phục và tâm phục hay tâm bất phục” hoặc “bằng mặt mà không bằng lòng” để sống đức vâng lời trọn vẹn, vì vâng lời chính là lắng nghe: « Cá không ăn muối cá ươn, con cưỡng cha mẹ trăm đường con hư. »

# Quả thế, với đức tin mạnh mẽ và đâm rễ sâu trên nền tảng Thánh Kinh vững chắc, đặt trọng tâm vào Chúa Giêsu, vào Phúc Âm, vào Giáo Hội, vì các linh hồn, cầu nguyện và biện phân dưới sự dẫn dắt của Chúa Thánh Thần, tu sĩ sẽ vâng lời cách sẵn lòng và siêu nhiên các vị lãnh đạo và cơ cấu của Giáo Hội, không phải như những con người và cơ cấu nhân loại, nhưng là Ý Chúa ở trong và qua những con người và cơ cấu này.

**5. TU SĨ LÀ NGƯỜI MỞ RA VỚI HIỆP THÔNG**

# Hiệp thông và hiệp nhất là lời cầu nguyện tha thiết của Chúa Cứu Thế cho các môn đệ của Ngài. Mối hiệp thông này bắt rễ trong Chúa Ba Ngôi và từ Chúa Ba Ngôi (ad intra – ad extra).

# Tu sĩ phải sống mối hiệp thông trọn vẹn của Hội Thánh trong tâm tình vâng phục thảo hiếu, để xây dựng nhiệm thể toàn vẹn của Chúa Kitô (x. Eph 4:12)

# Theo tinh thần Tông huấn Ecclesia in Asia số 43, tu sĩ phải sống và làm việc trong tinh thần hiệp thông và cộng tác để làm chứng cho tình yêu Thiên Chúa.

# Tu sĩ phải góp phần xây dựng mối hiệp thông của toàn thể nhân loại và thế giới được tạo thành vẫn hằng ngóng chờ ngày giải thoát (x. Rm 8:18-23)

# Đối với sứ vụ của Giáo Hội, hiệp thông và truyền giáo luôn song hành và kết nối không thể tách lìa nhau (x. Ecclesia in Asia số 24), bởi vì trước khi nói về Chúa, thì phải sống hiệp thông mật thiết với Chúa, nói với Chúa và nghe Chúa nói đã: không ai có thể cho cái mình không có !

**6. TU SĨ LÀ NGƯỜI HĂNG SAY TRUYỀN GIÁO**

# Chúa Giêsu là nhà truyền giáo được Chúa Cha sai đi đầu tiên. Và Đức Mẹ thực hiện sứ mệnh truyền giáo khi mang Chúa Giêsu đến thăm bà Elizabeth.

# Công Đồng Vaticanô II giúp Giáo Hội tái khám phá căn tính truyền giáo của mình. Truyền giáo là bản chất, là cảm thức và lẽ sống, là ý nghĩa, là nguồn gốc và mục đích của Giáo Hội (x. Ad Gentes số 2)

# Do đó, tu sĩ là nhà truyền giáo tự bản chất và phải luôn hăng say truyền giáo. Nếu không thế, tu sĩ sẽ không còn là tu sĩ nữa và đánh mất căn tính của mình: *“Vô phúc cho tôi, nếu tôi không rao giảng Phúc Âm”* (1 Cor 9,16).

# Đấng Cứu Thế đã sinh ra ở Á Châu, nhưng Kitô giáo ở Á châu ngày nay vẫn còn là một thiểu số tuyệt đối ở cái lục địa rộng lớn nhất địa cầu này, với gần hai phần ba dân số thế giới. Vậy chúng ta phải có trong trí óc và con tim lời kêu gọi khẩn thiết tiếp tục sứ vụ của Chúa Giêsu cho đồng bào mình, với ước vọng nồng cháy làm cho Ngài được nhận biết và yêu mến.

# Vatican II mở rộng tầm nhìn của chúng ta ra với Nước Thiên Chúa (lớn hơn là Giáo Hội mà chúng ta thường quan niệm) và thúc đẩy chúng ta truyền giáo, tin tưởng rằng Chúa Thánh Thần đã khơi dậy một tinh thần truyền giáo thực sự nơi con tim của nhiều người.

# 7. TU SĨ LÀ NGƯỜI CỦA ĐỐI THOẠI

# Thượng Hội Đồng Giám Mục Á Châu và Liên Hiệp Các Hội Đồng Giám Mục Á Châu đã chỉ rõ con đường hiện diện mới của Giáo Hội với ba chiều kích đối thoại:

# đối thoại với các nền văn hóa,

# đối thoại với các tôn giáo khác,

# và đối thoại với người nghèo.

# Con đường đối thoại bắt rễ trong Thiên Chúa và bắt đầu từ Thiên Chúa, Đấng luôn duy trì cuộc đối thoại với nhân loại, đặc biệt với người nghèo, người bị áp bức, người bị bỏ rơi…

# Là chứng tá của Tin Mừng, tu sĩ phải là một con người của đối thoại, với cả bên ngoài lẫn bên trong Giáo Hội. Đáng buồn là lắm khi cuộc đối thoại bên trong Giáo Hội và cộng đoàn không mấy dễ dàng!

# Đối với Á Châu, cái nôi của nhiều truyền thống văn hóa, tôn giáo lớn và đại đa số người nghèo của thế giới, sứ mệnh đối thoại và truyền giáo lại còn thích hợp và cấp bách hơn. Do đó, tu sĩ cần được huấn luyện và tự đào luyện tốt các kỹ năng đối thoại.

# Chúng ta cần, không chỉ đối thoại ba chiều như đường lối hiện hữu và truyền giáo mới của Giáo Hội; nhưng trong bối cảnh đặc biệt của Việt Nam, chúng ta còn cần đến chiều kích đối thoại thứ tư, đối thoại với người Cộng Sản.

# Cuộc đối thoại này bao gồm hai khía cạnh:

# - Đối thoại bằng cuộc sống: sống tinh thần cởi mở và thân thiện, chia sẻ niềm vui nỗi buồn, những vấn đề nhân sinh và những mối bận tâm vì công lý, hòa bình và tình thương.

# 

# - Đối thọai bằng hành động: hợp tác lành mạnh vì sự phát triển toàn diện con người và lợi ích của cộng đồng, nhất là bằng việc làm chứng tá cho tình yêu Thiên Chúa đối với họ: một tình yêu lớn hơn vượt thắng một tình yêu nhỏ hơn và những lôi cuốn của nó.

# Tình yêu ấy biến đổi mọi sự, một sự biến đổi từ bên trong của mỗi cơ cấu (ngày nay không ai chờ đợi một Revolution, cho bằng mong đợi một Evolution).

# Nhưng trước hết, chúng ta phải bắt đầu, bắt đầu lại, và luôn tiếp tục cuộc đối thoại đại kết bên trong lòng Giáo Hội (x. Ecclesia in Asia số 30), vì lắm khi cuộc đối thoại với bên trong lòng Giáo Hội còn khó khăn hơn cuộc đối thoại với bên ngoài!

**8. TU SĨ LÀ NGƯỜI CỦA TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI**

# Ngày nay, không ai phủ nhận vai trò quan trọng và ảnh hưởng vạn năng của truyền thông đại chúng, với những lợi ích và những tác hại của nó, trong đời sống của con người, “đặc biệt cuộc sống của thế hệ trẻ được sinh ra và lớn lên trong một thế giới bị điều kiện bởi truyền thông đại chúng” (Ecclesia in Asia số 48).

# Tu sĩ ngày nay phải biết sử dụng các phương tiện tân tiến của Truyền thông xã hội, như những dụng cụ hữu hiệu để sống trong mối hiệp thông con tim và khối óc của toàn thể Giáo Hội, để cập nhật các hiểu biết về thần học và mục vụ, cũng như những giáo huấn về xã hội và luân lý của Giáo Hội, để truyền thông sứ điệp Phúc Âm, và để thăng tiến đời sống thiêng liêng của mình.

# Tu sĩ trong thời đại chúng ta phải học cách sử dụng hợp pháp các phương tiện truyền thông, không như các chuyên gia nghề nghiệp thuộc lãnh vực này, ngõ hầu sử dụng và hướng dẫn kẻ khác, nhất là giới trẻ, làm sao sử dụng cách đúng đắn các phương tiện truyền thông trong cuộc sống hằng ngày.

# Chính vì thế mà ĐGH Gioan Phaolô II khuyên rằng giáo dục truyền thông cần phải là một phần không ngừng gia tăng trong công cuộc đào tạo linh mục, chủng sinh, tu sĩ, giáo lý viên, giáo dân chuyên nghiệp, sinh viên… theo những chỉ dẫn mục vụ của Aetatis Novae, với sự lưu tâm thích hợp tới những hoàn cảnh hiện hành ở Á Châu và Việt Nam (x. Ecclesia in Asia số 48).

**9. TU SĨ LÀ NGƯỜI NHẠY BÉN VỚI NHỮNG ĐỔI THAY XÃ HỘI**

# Mọi sự đang thay đổi và tiếp tục thay đổi đến chóng mặt. Tu sĩ phải là những người bắt nhịp hài hòa với tình hình hiện nay của một thế giới đang thay đổi; phải luôn sẵn sàng và bén nhạy để đọc được các thời triệu, chấp nhận các mới mẻ của những đổi thay, và can đảm thích nghi chính mình cách khôn ngoan sáng suốt với những bước chân của Chúa Thánh Thần, Đấng hằng làm cho mọi sự nên mới (x. Kh 21:5).

# Sự nhạy cảm này giúp chúng ta hiểu rõ hơn các nhu cầu của dân chúng, nhận thức được những vấn nạn không lời của họ, đáp ứng các thỉnh nguyện, chia sẻ những hy vọng, những trông đợi, những niềm vui và những gánh nặng của họ (x. Gaudium et Spes số 1).

# Vì vậy, Công Đồng Vaticanô II thúc bách không ngừng hoàn thiện các hiểu biết về những sự của Thiên Chúa và những việc của con người, ngõ hầu đi vào đối thoại cách thích đáng với những người đương thời.

# Sự nhạy bén này sẽ gợi ý và hướng dẫn những đổi thay trí não và con tim hướng tới cuộc trở lại liên lĩ với Chúa và với tha nhân, bằng việc “để cho qua đi và để cho Chúa liệu.” Đặt Chúa vào giữa thì mọi sự sẽ đến cùng nhau, với cái nhìn tích cực (thấy khía cạnh tốt của những gì xảy đến), với lòng cảm thông (tha nhân không muốn thế, nhưng Chúa bắt phải làm thế) và biết ơn Chúa và tha nhân (nhờ đó mà ta được biến đổi và lớn lên).

# Chúa luôn đổi mới lời mời gọi của Ngài, xuyên qua Phúc Âm, các dấu chỉ thời đại, các biến cố thăng trầm của cuộc sống mỗi ngày, thì chúng ta, là những người theo Chúa Giêsu, cũng phải đổi mới sự đáp trả của mình cho tương xứng.

# 

# Mọi việc Chúa Kitô làm đều mang dấu ấn của thay đổi, thay đổi từ cũ sang mới, từ điều được trông đợi đến điều bất ngờ: Ngài ngồi ăn với người những tội lỗi, nói chuyện với người Xamari, vượt quá luật ngày Xabát, yêu thương kẻ thù, và Ngài hy sinh mạng sống vì người khác.

# Mọi hành động ấy đều là những thay đổi. Qua những thay đổi ấy, Hội Thánh được sinh ra, và hôm nay, cũng qua hững thay đổi như thế mà Hội Thánh còn tồn tại và tiếp tục sống động.

# Luật của sự sống và sinh trưởng là thay đổi, và mỗi chặng đường sinh trưởng của con người đều được ghi dấu bằng những thay đổi quyết định, từ lúc được sinh ra cho đến lúc chết đi, trải qua tích cực cũng như tiêu cực: « Mai nam, trưa nắng, chiều nồm ; trời còn luân chuyển huống mòm thế gian »

# Trong chiều hướng này, tu sĩ được mời gọi trở thành những con người phục vụ khiêm tốn trong bất cứ cái gì, bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, và bất cứ thế nào, mà dân chúng cần đến.

**10. TU SĨ LÀ NGƯỜI CỦA SỨ VỤ TIÊN TRI**

# Với sự tham dự vào chức linh mục cộng đồng, tu sĩ được thúc đẩy sống sứ vụ tiên tri.

# Để thực hiện sứ vụ tiên tri của mình, Chúa Giêsu đã nói đến Bát Phúc, người con hoang đàng, người Samaritanô tốt bụng… Ngài đã đến với người tội lỗi, gái điếm, ngoại tình, bị bỏ rơi, nghèo hèn, ở bên lề và bị loại trừ, dù Ngài bị chỉ trích là điên khùng, phản động, phạm thượng, đi lại và ăn uống với phường thu thuế và tội lỗi.

# Tu sĩ phải thực thi sứ vụ tiên tri của mình, với tất cả con tim, với tất cả linh hồn, và với tất cả sức mạnh của mình:

# - Loan báo và sống tình yêu nồng cháy của Chúa Giêsu đối với Thiên Chúa, Nước Chúa, và đối với dân chúng.

# - Tố cáo thói giả hình, bất công, áp bức,… dù phải trả với giá đắt của thập giá và cái chết: Giám mục Oscar Romero và Mục sư Martin Luther King là những chứng tá hùng hồn hiện đại cho sứ vụ tiên tri này.

# Tu sĩ luôn có cơ hội để tuyên bố và trình bày cho thế giới và Dân Chúa sứ điệp yêu thương của Chúa, tại đây và lúc này. Đồng thời tu sĩ cũng phải nhắc nhở dân chúng về mối liên hệ giao ước của họ với Thiên Chúa.

# Tuy sứ vụ tiên tri là một nhiệm vụ khó khăn và nguy hiểm, tu sĩ phải đóng vai trò chỉnh sữa ở trong Giáo Hội cũng như ở ngoài Xã Hội, khi có quá nhiều áp bức xã hội, chính trị, kinh tế và tôn giáo cực đoan, vì “kiến nghĩa bất vi bất nghĩa”

# Hơn nữa phải theo nguyên tắc của Phêrô: *“Các ông nghĩ thế nào cho phải lẽ trước mặt Chúa, vâng lời các ông hay là vâng lời Chúa hơn”* (Tđcv 4,19) – *“Phải vâng lời Thiên Chúa hơn là vâng lời con người”* (Tđcv 5,29)

# Dĩ nhiên chỉ khi nào tu sĩ sống được cái đức dũng này: *“Phú quí bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất”* nghĩa là giàu sang không ham, bần hèn không thay đổi lòng, bạo lực không khuất phục được, vì đã có Chúa làm gia nghiệp.

# (Hát GIA NGHIỆP ĐỜI CON)

# KẾT LUẬN

# Một khi đã có bản vẽ, đã có mô hình, đã có mẫu, chúng ta sẽ bắt tay vào thực hiện công trình.

# Cầu mong mỗi người chúng ta đều cố gắng hình thành cho mình một mẫu nữ tu thích hợp, và nỗ lực xây dựng đời sống ơn gọi của mình theo cái mẫu đó, trong sự cộng tác tích cực và hữu hiệu giữa được đào tạo và tự đào tạo, theo đường lối của Giáo Hội, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần.

## Với sức con người lắm khi rất khó, nhưng với Chúa thì mọi sự luôn đều là có thể.

**Còn tiếp**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**VĂN HOÁ GIAO TIẾP - ÍCH LỢI CỦA NỤ CƯỜI**

**TRI ÂN CHA ĐA MINH ĐINH VĂN VÃNG,**

**BÚT HIỆU LM. ĐAN VINH, HHTM (HIỆP HỘI THÁNH MẪU)**

****

**22/6/1947 – 14/6/2023**

**Loạt 120 bài “Học làm người và làm con cái Chúa”**

**của Lm Đan Vinh, HHTM**

**BÀI 55**

**VĂN HOÁ GIAO TIẾP** **- ÍCH LỢI CỦA NỤ CƯỜI**

**1. LỜI CHÚA :** Thánh Phaolô viết : **“Anh em hãy vui luôn trong niềm vui của Chúa. Tôi nhắc lại : Vui lên anh em ! Sao cho mọi người thấy anh em sống hiền hòa rộng rãi, Chúa đã gần đến”** (Pl 4,4-5).

**2. CÂU CHUYỆN :** **NỤ CƯỜI MANG LẠI HẠNH PHÚC.**

Trong một trại phong kia, hầu hết các bệnh nhân đều sống âm thầm trong sự đau đớn thể xác và cô đơn tâm hồn, duy chỉ có một người đàn ông là luôn vui tươi cười nói hạnh phúc. Chị nữ tu phụ trách phục vụ bệnh nhân thắc mắc không biết do đâu mà bệnh nhân này lại có được tâm hồn vui tươi an bình như vậy. Một hôm chị nữ tu tình cờ chứng kiến một phụ nữ đứng thập thò ở phía bên ngòai hàng rào khu trại. Một lúc sau người đàn ông từ trong nhà đi đến gần hàng rào thì chị kia gật đầu chào và nở nụ cười với ánh mắt thân thương. Từ đó mỗi ngày cứ vào khỏang 8 giờ sáng, chị nữ tu đều thấy người đàn ông ra gần hàng rào để đón nhận nụ cười và nói chuyện vài câu. Chính sự gặp gỡ đã làm tăng thêm sức mạnh giúp ông vui vẻ cả ngày. Một hôm nữ tu đã đến gần hai người nói chuyện và người đàn ông đã giới thiệu như sau : “Vợ tôi đấy”. Rồi ông tiếp tục chia sẻ : “Trước khi tôi vào đây, vợ tôi đã cố tìm thày chạy thuốc chữa bệnh cho tôi. Một thầy lang đã đưa cho tôi một lọ dầu chữa bệnh lở lóet và mỗi ngày vợ tôi đều thoa dầu đó lên da mặt của tôi và bao giờ nàng cũng chừa ra một khỏang nhỏ để đặt lên đó một nụ hôn. Nhưng mọi thứ thuốc men đều vô hiệu và người ta đã phát hiện ra căn bệnh nan y phong cùi của tôi. Họ bắt tôi phải cách ly vào trại phong này để tránh lây lan cộng đồng. Từ khi bị buộc vào đây, tôi vẫn không thấy cô đơn buồn tủi, vì mỗi ngày khi đi làm ngang qua đây, vợ tôi đều dành ít phút để mỉm cười và nói chuyện với tôi. Chính nhờ những nụ cười hằng ngày của nàng mà tôi luôn cảm thấy cuộc sống có ý nghĩa và hạnh phúc.

**3. SUY NIỆM :**

1) Câu chuyện trên cho thấy ***nụ cười có giá trị như một liều thuốc chữa bệnh hiệu quả***, như người ta thường nói : “Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ”. Nụ cười cũng là một thứ thuốc ***giúp giảm đau hữu hiệu*** vì nó làm cho nhịp tim của người ta giảm xuống, hơi thở trở nên điều hòa và các cơ bắp trên khuôn mặt cũng được thỏai mái thư giãn.

2) Về mặt tâm lý, nụ cười đem lại cho người ta ***niềm vui sống để dễ dàng vượt qua nỗi đau thể xác do bệnh tật gây ra***. Bác sĩ David Maye Trưởng Khoa Tâm Lý của Đại Học Michigan đã viết trong tác phẩm “Đeo đuổi hạnh phúc” như sau : “Bạn muốn được vui vẻ hạnh phúc ư ? Hãy mỉm cười và mang bộ mặt tươi vui với mọi người có dịp tiếp xúc”. Nụ cười cũng là một ***phương cách hữu hiệu để gây thiện cảm trong giao tiếp với tha nhân***. Trong việc làm ăn buôn bán, nụ cười đặc biệt quan trọng giúp hai bên giao dịch lâu dài về sau. Do đó có người đã nói : “Nếu bạn không biết cười thì bạn đừng làm nghề buôn bán”.

3) Riêng các tín hữu hãy ***tập luôn nở nụ cười, ngay cả những khi đang gặp thử thách***. Vì ý thức rằng mọi điều xảy đến cho mình sau khi đã cố gắng hết sức đều không ngòai thánh ý Thiên Chúa quan phòng và đều có ích cho phần rỗi đời đời của mình. Nên nhớ rằng cuộc đời của chúng ta được dệt bằng những ***niềm vui nỗi buồn đan xen nhau*** như câu người ta thường nói : “Sau cơn mưa rồi trời sẽ lại sáng” và “Sau cơn bĩ cực tới hồi thái lai”. Cuộc đời của Đức Giê-su trong Tin Mừng cũng cho thấy điều này : Hết năm sự Vui rồi đến năm sự Sáng; Hết năm sự Thương rồi đến năm sự Mừng. Do đó, sự thánh thiện thực sự phải đi đôi với một tâm hồn bình an vui tươi, luôn biết tín thác vào tình thương quan phòng của Thiên Chúa trong mọi hòan cảnh. ***Tránh mang nét mặt u buồn dù thực tế bạn đang phải chịu đựng nhiều điều không vui.*** Đàng khác sự ***thánh thiện không đi đôi với bộ mặt u sầu***, như câu : “Một ông thánh buồn là một ông thánh đáng buồn !”.

**4. SINH HOẠT :** Bạn có ***kinh nghiệm gì về giá trị của nụ cười đem lại kết quả trong việc buôn bán hoặc mang lại niềm vui cho người mắc bệnh nan y ?*** Bạn sẽ làm gì để luôn mỉm cười trong mọi hòan cảnh, nhất là những khi bị thất bại hay gặp phải những điều trái ý cực lòng ?

**5. LỜI CẦU :**

Lạy Chúa Giê-su. Xin giúp chúng con biết ***vui luôn trong Chúa*** như lời thánh Phao-lô đã dạy. Cho chúng con ý thức ***giá trị của nụ cười*** trong các giao tiếp xã hội. Xin cho chúng con luôn ***mang nét mặt vui tươi dù đang gặp những điều trái ý cực lòng***. Xin cho chúng con biết ***tín thác vào tình thương quan phòng của Thiên Chúa***, và noi gương Chúa khi xưa đã sẵn sàng vâng theo ý Chúa Cha trước cuộc khổ nạn : “Lạy Cha, nếu có thể được thì xin cho con khỏi uống chén này. Nhưng đừng theo ý con, một xin vâng ý Cha” (Mt 26,39).- AMEN.

**LM ĐAN VINH – HHTM**



##### [VỀ MỤC LỤC](#MucLuc)

**Chuyện con người chúng ta đây vừa là hình ảnh của Thiên Chúa lại vừa phải gánh lấy cái hậu quả của tội nguyên tổ**

**Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp**

**CHUYỆN MỖI TUẦN – CHUYỆN VỀ TẬP SÁCH “DẪU VẬY THÌ VẪN CỨ TIN” CỦA CHA JOSEPH MOINGT S.J. (TT) NGÀY THỨ HAI… TỪ ĐỨC TIN NƠI CHÚA KITÔ ĐẾN CÁC GIÁO HUẤN CỦA GIÁO HỘI.**

[](javascript:showpopup('file=article/1720084396.jpg'))

**Thưa Cha, có một vấn đề mà ngay từ ban đầu đã có vẻ như mâu thuẫn, hoặc là ngược đời, đấy là** **chuyện con người chúng ta đây vừa là hình ảnh của Thiên Chúa lại vừa phải gánh lấy cái hậu quả của tội nguyên tổ - Cha nghĩ sao về tình trạng ngược đời này?**

Bạn à – tội nguyên tổ, cho dù có khá nhiều những tranh luận về nguồn gốc của nó cũng như khá nhiều những định nghĩa được đưa ra…thì đấy vẫn là một thứ tội vừa có tính cách phổ cập lẫn phổ biến, nhưng là sự phổ cập và phổ biến theo nghĩa tiêu cực, với chủ trương khuyếch tán sự áp đảo của chú nghĩa cá nhân và cá biệt trong ý đồ đối đầu với điều mà chúng ta mới đề cập đến trên kia khi trích dẫn lời của Thánh Phaolô kêu gọi việc thăng tiến con người dần dần cho đến khi nào đạt tới được sự trưởng thành trong những chiều kích viên mãn của nhân tính con người…Vậy tôi nguyên tổ là gì nhỉ? Có vẻ như đấy là tất cả những gì gò bó và đóng khung con người lại trong chính mình, quăng cái con người ấy trở lại trong quá khứ của mình, hạ thấp và nhấn chìm con người ấy trong giây phút nhục cảm nhất thời, cho phép con người ấy thấy hài lòng với chút đỉnh hạnh phúc nhỏ nhoi từng ngày…Đấy là sức mạnh có tính cách quán tính không cho phép con người ấy lớn lên và triển nở…cũng như có thể mở lòng mình ra với những van nài của người khác; đấy cũng là sự ham muốn, là sự ghen tương với hạnh phúc của người khác, đồng thời là ước muốn xấu luôn tìm cách để đánh cắp hạnh phúc của tha nhân…Cái ước muốn xấu xa ấy…có thể mang lại cho anh ta sức mạnh để đấu tranh với tha nhân, cướp đi những gì người anh chị em mình có…và đè bẹp anh chị em mình…Và cái sức mạnh ấy có thể chiếm hữu cả một thị tộc, một đất nước, một xã hội, đồng thời làm nảy sinh nơi anh ta sự cám dỗ muốn cai trị các dân tộc khác, có lẽ là cả cái thế giới này nếu có thể, tạo nên nơi con người tham vọng ấy một cơn say sưa chuyện đổ máu đồng loại của mình…Người ta nói đến “tội nguyên tổ” bởi người ta nghiệm ra rằng nó hoành hành khắp nơi và ở mọi thời, lúc nhúc và không ngừng tái sinh, trong cái quá khứ nhỏ bé xa cũ của các dân tộc cũng như ở giai đoạn ban đầu của mọi cuộc sống con người…

Các triết gia  dã định nghĩa tội nguyên tổ như là sự dữ nền tảng hay gốc cội, như là một sự “ly khai” hay là mối “chia rẽ các lương tri” con người…Đấy là thứ tội làm cho con người chúng ta không thể nào đạt tới tình trạng có thể nói lên với nhau và với mọi người về một cái “chúng ta” thực sự trong đó tất cả những cái “tôi” vây quanh có thể thăng hoa và hòa điệu với nhau cách tuyệt vời…Hay là làm cho cái “*tôi*” lớn dần lên để trở thành một cái “chúng ta” cố chấp : chúng tôi – những người Pháp đương đầu với những người Đức; chúng tôi – những người thuộc cùng một giai cấp…để tự tách biệt mình ra khỏi những con người ở cấp thấp hơn …Hoặc là cái “*chúng tôi*” nuốt chửng mất cái “*tôi*”…như trường các hợp gia đình không chấp nhận việc giải thoát cho con cái mình, các xã hội độc tài không chấp nhận những khác biệt…Trong giáo lý Công giáo, con người vốn được tạo dựng nên theo hình ảnh của Thiên Chúa duy nhất, nhưng tội nguyên tổ đã ngăn cản họ đi đến sự hòa hợp với nhau, đồng thời với cá nhân từng con người vốn được đón nhận làm con Thiên Chúa thì tội nguyên tổ đã cản trở họ mặc lấy trọn vẹn phẩm giá phải có của con người đúng nghĩa…Đấy là thứ sự dữ làm cho cái “thế giới hiện tại” – nơi mà chúng ta không được phép “thuận theo” – thứ sự dữ - theoThánh Phaolô – gặm nhấm chúng ta từ bên trong của mỗi con người ngay từ khi chúng ta vừa mới mở mắt chào đời – không phải là một sự dữ không thể chữa lành, nhưng là một sự trừng phạt nào đó, một thứ định mệnh nào đó đeo đuổi chúng ta - và thâm nhập chúng ta từ bên ngoài cũng như từ khắp nơi, bởi đấy là những mối liên hệ mang tính liên đới liên kết chúng ta với những con người thuộc mọi thời gian và ở mọi nơi chốn…

Thật là vô cùng khó…để con người một ngày nào đó có thể đạt tới được tình trạng hợp nhất được với nhau và cùng nhau diễn tả bản thân qua cùng một cái “MÌNH” vốn sẽ là ý thức về tính nhân loại tự bản chất là đơn nhất và cộng đồng…Đồng thời con người còn phải – và mãi mãi phải cố gắng – làm sao  để mỗi  người có thể diễn tả được về cái “tôi” – một cái “tôi” đầu tiên có ý thức về cá nhân, cá vị…Khi trình bày cái nhìn đó của mình, Hégel kết luận rằng sự dữ ban đầu đã chất chứa nơi chính mình niềm hy vọng của sự cứu rỗi rồi – và đấy cũng là âm vang vang vọng trong phụng vụ Thứ Sáu Thánh : “*Ôi, tội hồng phúc – tội Adam – tội đã đưa đến cho chúng ta Đấng Cứu Chuộc như thế ”…* Vì lý do đó, chúng ta đừng nói rằng giáo lý về tôi nguyên tổ làm vấy bẩn và phủ màn tang tóc mãi mãi lên tâm óc của nhân loại,  dập tắt mãi mãi niềm hy vọng của con người – niềm hy vọng rằng một ngày nào đó họ sẽ có thể thoát khỏi những sự dữ, sự xấu trói buộc  họ…Chúng ta phải nhìn thấy nơi tội của “*con người đầu tiên*”…trong cái nhìn của Thánh Phaolô khi đặt để khuôn mặt cứu thế của Đức Kitô cận kề ngay khuôn mặt của con người Adam trong thư gửi tín hữu Roma chương 5…Thực ra thì niềm tin của con người về tội tổ tông…không phải là chỉ có trong Kitô giáo mà thôi đâu…Chúng ta có thể tìm thấy một vài huyền thuyết tương tự trong phần lớn các trình thuật khác về tạo dựng…Những trình thuật ấy nhằm mục đích trình bày về tâm óc của con người có thể là nạn nhân của một sự dữ, sự xấu…nên chính họ cũng trở thành tội đồ…và đấy là cái giá làm nên sự cao cả của con người…Thế nhưng Kitô giáo mang lại cho con người nạn nhân niềm hy vọng và sự bảo đảm rằng cuối cùng thì họ sẽ được giải thoát khỏi sụu dữ, sự xấu ấy, bởi vì…tất cả đều liên đới với nhau nơi “Adam”, và  họ cũng liên đới với nhau nơi Đức Kitô, cùng chung chia sự khải thắng của Người trên sự chết nếu cùng liên đới với Người trong cuộc chiến chống lại mọi mãnh lực nhằm đè bẹp và vấy bẩn nhân loại…

Và trong hôm nay – giữa một thế giới tôn sùng việc tiêu thụ, làm mồi cho lòng hiếu thắng…thì Đức Giêsu nắm giữ vai trò nâng đỡ  chúng ta như thế nào, đâu là sự thuận lợi khi chọn lựa dấn thân trong việc đi theo Người với một cuộc chiến mà chắc chắn là sẽ rất khốc liệt nơi cả những người thắng lẫn những người thua ? Chấp nhận cái chết luôn luôn  rình chờ, Người đã chối từ sự thành công mà Người có quyền để hy vọng, để mơ ước…và sẵn lòng lao vào cuộc chiến đồng thời đi cho đến tận cùng sứ vụ mà Người đã gánh nhận…Người cảm nhận bị Thiên Chúa bỏ rơi, nhưng Người từ chối việc nài xin Thiên Chúa ra tay can thiệp, đồng thời Người cho thấy một sự tin tưởng nguyên tuyền dành cho Thiên Chúa qua cái chết của mình…Tự thoát khỏi tính cá biệt của cái “tôi”, Người đã “hoàn tất” cuộc sống của mình khi thể hiện “hành vi hoàn tất” ấy trong sự tròn đầy của một “cho chúng ta” mang tính phổ cập…Và cũng nhờ vậy mà cái chết của Người đã trở thành suối nguồn của sự sống – y như trật tự vũ trụ đã và vẫn vận hành từ cái thủa hỗn mang khởi đầu -  “Ôi tội hồng phúc…”

Người Kitô hữu chứng kiến tình trạng “cuối thời” hôm nay của Giáo Hội – tình trạng  dần dần trống vắng những người tin cũng như thế giới có vẻ như thiếu vắng đức tin –  Thế nhưng qua cái chết của Chúa Giêsu, họ nhận ra là :  Cuối cùng…thì vẫn còn niềm hy vọng và sự hứa hẹn về những vụ mùa bội thu trong việc loan báo Tin Mừng khi mà - bị buộc phải rời bỏ tất cả những nơi ẩn trú an toàn -  những người gieo vãi sẽ phiêu bạt khắp nơi khắp chốn và hạt giống Tin Mừng sẽ được gieo, được vãi…hầu có thể mang lại ơn cứu chuộc cho mặt đất trần gian dễ thương này của chúng ta…Bởi vì, thưa bạn, chỉ đức tin mới làm cho niềm hy vọng được sống…Đức tin không chết – dù rất mong manh – nhưng rồi đức tin sẽ liên tục tái sinh từ những mối nghi ngờ triền miên của chúng ta…và đấy là điều mang lại cho người Kitô hữu niềm cậy trông, sự đỡ nâng cũng như bảo đảm cho họ về chiến thắng cuối cùng trên sự xấu và khổ đau…

**Vậy thì, thưa Cha,  các giáo điều có ích lợi gì đâu nếu không phải là để tạo sự mù mờ cho những gì đức tin mạc khải, giống như Cha đã từng giải thích : đức tin là một điều gì đó vô cùng khó khăn nhưng lại cũng rất trong sáng – tình trạng ấy là sao?**

Có vẻ như tôi chưa chín muồi lắm trong những suy tư của tôi về tình trạng ấy; tôi còn phải suy nghĩ nhiều hơn nữa…Tuy nhiên cũng không nên quá quan trọng hóa những công thức tín điều : bà con tín hữu của ba thế kỷ đầu…đã qua đi rất lâu rồi…Ở thế kỷ IV, người ta sẵn sàng để thêm vào mỗi tín điều đức tin vài ba hạn từ rõ ràng hơn (chẳng hạn như kinh Tin Kính của Công Đồng Nicée – Constantinople)… Định nghĩa thực sự là đầu tiên thì chỉ xuất hiện ở giữa thế ký V ( tại Chalcédoine ), và định nghĩa này đã làm nảy sinh những nhóm ly giáo mà ngày nay các sử gia vẫn tự hỏi không biết đấy có thực sự là những giáo phái dị giáo hay không…

Về mặt khác…thì… thực sự là rất nguy hiểm khi chúng ta lên án dĩ vãng, bởi vì những tín điều được nêu lên không phải là không có lý do…Có lẽ cũng không nên đặt câu hỏi “*có ích lợi gì đâu ?*” – ngầm hiểu rằng chuyện ích lợi ầy là đối với chúng ta trong hôm nay, đồng thời cũng tự nhủ chính mình rằng thực sự ra thì chắc chắn là những tín điều rất hữu ích về mặt nào đó và trong một quãng thời gian nào đó…và rằng người ta đã từng hiểu rõ về các tín điều, nhưng đã đến lúc phải giải thích các tín điều một cách khác…để chúng không bị hiểu ngược đi đồng thời cũng giúp nuôi sống đức tin thực sự…Chẳng hạn như bảo rằng Đức Giêsu *cùng bản thể* với Đức Chúa Cha thì đã đủ để mà bảo đảm rằng Người hoàn toàn thông hiệp với thần tính của Chúa Cha, trong một thời kỳ mà từ ngữ về hữu thể được dùng để phủ nhận tín điều ấy, thế nhưng điều ấy lại không cần thiết chút nào với con người của thời chúng ta hôm nay vốn không thích thú gì với thứ ngôn ngữ siêu hình, và cũng chẳng cần thiết gì với bà con tín hữu lúc này vốn thích thú và quan tâm nhiều hơn đến ngôn ngữ Kinh Thánh…Rất có thể cũng còn có những kiểu nói, kiểu trình bày khác nữa, tự do và nhiều hơn, cần phải được khám phá và được bà con tín hữu chấp nhận…

Điều gây phiền…là Giáo Hội coi những tín điều như thuộc diện bất khả thay đổi, bất khả điều chỉnh...như chúng – những tín điều – được công bố từ chính cửa miệng của Thiên Chúa vậy…Thiếu hẳn ý nghĩa có tính lịch sử trong ngôn ngữ con người và có vẻ như dựa vào tính tương đối cả về việc trình bày nội dung cũng như những giải thích này/khác…Những gì đã được công bố bởi và trong Giáo Hội…luôn luôn là những điều mang tính hướng dẫn đức tin Kitô giáo, cách riêng cho công việc của nhà thần học, nhưng không đóng khung, không nhốt kín suy nghĩ của thần học gia ấy…Còn những chuyện khác nữa cần phải đề cập đến – không phải nhằm để nói ngược lại những điều trên đây hoặc từ chối hay bỏ qua chúng – nhưng là những chuyện còn quan trọng hơn nữa để  nói với những con người trong hôm nay vẫn thắc mắc đặt vấn đề “*Đức Kitô là ai ?*”. Chẳng hạn như những công bố  mà những người cho rằng Đức Giêsu đã “*được sinh ra từ trước muôn đời*”, rằng Người không sinh ra từ một mầm sống con người, sẽ rất dễ bị hiểu như là các công bố ấy muốn khẳng định rằng Người không phải là một con người giống như chúng ta, thuộc vào chủng tộc của chúng ta, hoàn toàn nối kết với nhân tính của chúng ta cũng như với lịch sử con gnười chúng ta…Nếu ngày xưa người ta đã diễn tả như thế thì mục đích là để bảo vệ  tín điều xác tín rằng Người thực sự là Con của Thiên Chúa mà không nghĩ đến cái cách diễn ta bằng ngôn ngữ con người ấy có thể gây rối cho sự hiểu biết về nhân tính thực sự của Người, bởi nhân chủng học thời bấy giờ khác với nhân chủng học ngày nay của chúng ta…Ngày nay bắt buộc chúng ta phải diễn tả khác đi để bảo vệ cũng một đức tin như thế vào Đức Kitô…

Vào cái giai đoạn mà người ta thấy Giáo Hội có vẻ coi thường những khảo cứu của môn chú giải có tính lịch sử, Giáo Hội như rơi vào mối nguy cơ khá nặng nề muốn áp đặt giáo thuyết của mình nhằm phản đối tính xác thực của lịch sử - nghĩa là không chấp nhận những tiêu chí về sự thật mà khoa học ở thời của chúng ta mang lại…Cho nên rất có thể người tín hữu cảm thấy hoang mang khi khoa chú giải có tính cách lịch sử đã trình bày cho chúng ta một khuôn mặt Đức Giêsu  hoàn toàn không giống với khuôn mặt giáo lý đã từng trình bày trước đây…Thế nhưng người tin sẽ phải dần dần tìm cách làm quen với việc nhận ra rằng bên dưới cái chân dung bất ngờ ấy là mầu nhiệm về Đức Giêsu mà đức tin mặc khải cho con người nhưng không loại bỏ đi khuôn mặt  mà những kiếm tìm lịch sử đã phác họa nên về Người…Các sách Tin Mừng là những tường thuật thuộc lãnh vực dức tin…Tin Mừng chú giải những gì mình trình bày…Việc nhà sử học phục hồi sự thật trong tường thuật không đóng vai trò hợp lý hóa tường thuật mà thánh sử trình bày, và dĩ nhiên về phía ngược lại thì cũng thế…bởi cả hai đều trình bày mạc khải với hai cái nhìn khác nhau : tác giả Tin Mừng trình bày sự thật về đức tin đứng trước những gì đã xảy ra nhưng không thể được chứng kiến tận mắt cũng như hiểu được cách tường tận…và ông cũng tường thuật một cách khác đi để làm cho sự thật về tường thuật ấy được trong sáng hơn…

Việc Giáo Hội thấy khó khăn trong việc thay đổi ngôn ngữ diễn tả là do cái ý thức của Giáo Hội nhằm bảo vệ tính *bất khả sai lầm*…Thế nhưng điều đó  để làm gì ? Ước mong sao sự tương trợ của Chúa Thánh Thần phòng giữ Giáo Hội khỏi việc lôi kéo con cái tín hữu của mình vào trong một sự sai lầm  gây nguy hại cho phần rỗi vĩnh viễn của họ…Và đấy mới là điều chắc chắn chúng ta phải tin…Tuy nhiên điều đó không ngăn trở  Giáo Hội mắc phải những sai lầm…mà ngày nay Giáo Hội phải chấp nhận thú nhận lầm lỡ của mình khi có dịp, chẳng hạn như sự việc lên án Galilê hay Jean Huss…Giáo Hội có lý do để tạo nên niềm tin cho các tín hữu của mình vào giai đoạn mà  họ không thể tự mình trực tiếp củng cố đức tin của mình dựa vào Kinh Thánh. Thế nhưng đã có nhưng đổi thay qua thời gian, và bà con tín hữu không thể nắm vững được mọi khía cạnh gai góc của ngôn ngữ con người…Chính vì thế cho nên đức tin không cần nữa một thứ ngôn ngữ bất khả xâm phạm. Có những kiểu trình bày theo truyền thống không còn cần nữa vào lúc này…và cũng chẳng cần phải thay đổi làm chi nữa…Đồng thời cũng không tốt lành gì nữa việc lập đi lập lại những công thức không ai hiểu gì hết…Chính vì vậy mà hiện nay – trong một tập sách được phát hành của Prieur và Mordilat về sự việc “ăn thịt người” – cho thấy sự khó chịu của nhiều người về Bí Tích khi người ta hiểu sự việc theo nghĩa đen của hạn từ “*biến thể hay hóa thể*”…Cho nên một định nghĩa được nêu lên ở một giai đoạn nào đó – kể cả trong hôm nay cũng không khác chi – sẽ có thể  gây ngộ nhận và khó hiểu đối với nội dung muốn trình bày hay diễn tả…Cho nên có lẽ luôn luôn phải có một sự suy nghĩ và chọn lựa khá kỹ càng đối với những thuật ngữ được sử dụng để trình bày các tín điều…

Thế nhưng…lúc này…thì chúng ta khoan để nghĩ đến những mơ ước này/khác…Có lẽ tốt hơn cả là xin các bạn hãy đọc lại thật kỹ các tài liệu của Công Đồng Vaticanô II đi đã…

**Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp chuyển ngữ.**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**TIỀN TIỀN!**

***”  Tiền bạc giết tâm hồn hơn là gươm giáo giết thể xác.“  (Walter Scott )***

***“ Tiền là tên đầy tớ trung thành, nhưng là ông chủ xấu.“ (Tục ngữ Pháp )***

***“ Thượng Đế không có ngân hàng và vải liệm không có túi” (Chuck Feeney)***

***“Của làm ra để trên gác, của cờ bạc để ngoài sân, của phù vân để ngoài ngõ.”  (Tục ngũ Việt Nam}***

***\*”Giá trị cuộc sống của những tỉ phú hảo tâm cống hiến phần lớn tiền của cho công ích xã hội thật đáng ngưỡng phục và cao quí biết bao ! “***

TIỀN mua được hạnh phúc hay sao ?

Mải mê tích lũy thật dồi dào,

Tưởng có tiền thỏa mãn tất cả,

Hãy nhủ mình đừng quá tự hào !

TIỀN mua nhà lộng lẫy khang trang,

Gia đình xum họp sống huy hoàng,

Vợ chồng con cháu chung hạnh phúc,

Nhưng tránh làm sao khỏi khóc than !

TIỀN sắm đồng hồ chói ngọc vàng,

Xem giờ, mà nhìn lại thấy sang,

Thời gian qua mau đâu trở lại,

Năm tháng đời sẽ hết mơ màng !

TIỀN mua giường hảo hạng nệm chăn,

Sao giấc ngủ vẫn thấy băn khoăn,

Bởi vì lòng mình luôn trăn trở,

Trên giường này giấc ngủ khó khăn.

TIỀN tìm thuốc bách bệnh tiêu tan,

Thuốc tăng sinh lực, sâm Đại Hàn,

Trăm thứ đắt tiền ta đều sẵn,

Mà sao thân thể cứ bất an !

TIỀN mua cả bằng giả thi gian,

Đút lót chạy địa vị cao sang,

Coi chừng sẽ lên voi xuống chó,

Thật là tiền mất tật lại mang !

TIỀN tham vơ vét của người dân,

Xuất ngoại trộm cắp đã nhiều lần,

Bị bắt quả tang ôi nhục nhã !

Danh dự dân Việt chúng bất cần.

TIỀN mờ mắt Cộng sản Việt nam,

Cướp của dân thủ đoạn tham tàn,

Bán biển đất cho bọn Tàu cộng,

Tài sản bất chính sẽ tiêu tan !

TIỀN hối lộ tội lỗi bỏ qua,

Trộm cướp giết người cũng thả ra,

Than ôi ! Kim ngân phá luật lệ,

Đạo suy đồi, đất nước tan hoang !

TIỀN khó mua cuộc sống an hòa,

Sống vui sống khỏe ở tại ta

Đừng tưởng tiền mua tiên cũng được,

Thân tàn ma dại chẳng có tha !

TIỀN của phù vân chóng tiêu tan,

Lòng tự đắc không muốn thua ai,

Tiền tài danh vọng sẽ trôi hết,

Chỉ có Tình yêu chẳng phôi phai.

TIỀN không mua được nụ cười,

Sống sao cho đẹp cuộc đời hôm nay,

Ai ơi ! một điều xin hãy nhớ,

Tiền rừng bạc bể có ngày tiêu tan.

Sống sao để khỏi oán than,

Hai tay buông xuống tâm can an bình.

*“Nhân sinh tự cổ thùy vô tử*

*Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh*

**ĐINH VĂN TIẾN HÙNG**



*(\*) Phụ dẫn :  Trích thơ  Nguyễn Công Trứ*

*+ Muốn biết thêm giá trị của ‘TIỀN’ xin đọc bài kèm theo ‘Kết thúc cuộc đời của 8 nhà kinh doanh lớn’ sau đây :*

***\*Tiên vàn hãy tìm kiếm Nước Chúa***

Năm 1923, tám nhà kinh doanh thành công nhất Hoa Kỳ, đã gặp gỡ nhau trong một khách sạn tại Miền Viễn Tây. Họ trao đổi cho nhau những kinh nghiệm về kinh doanh và muốn khẳng định câu phương ngôn thường tình của con người ở khắp nơi là *‘Có tiền mua tiên cũng được’*.  Thế nhưng, 25 năm sau những gì đã xảy đến cho 8 nhà kinh doanh này :

- Charles Schwab, giám đốc 1 trong những công ty sắt lớn nhất nước Mỹ, đã chết vì bị phá sản. Trong năm cuối đời ông đã phải sống nhờ vào tiền vay của người khác.

- Samuel Insull, giám đốc chuyên sản xuất các vật dụng trong nhà, phải bỏ nước ra đi và chết tha phương không một đồng xu dính túi.

- Howard Hopson, giám đốc hãng Gas lớn nhất trở thành điên dại.

- Arthur Cutten, chuyên xuất nhập cảng lúa mì, cũng chết ở nước ngoài không còn một đồng xu.

- Richard Whiney, giám đốc phòng Hối đoái lớn tại Nữu Ước, vừa bình phục bệnh trong một nhà thương điên.

- Albert Pall, một nhân vật cao cấp trong chính phủ, vừa ra tòa vì dính líu vào một vụ tham nhũng.

- Hai người cuối cùng trong danh sách 8 người thành công nhất nước Mỹ, khoảng thập niên 20, cũng tự kết liễu cuộc sống của mình.

Bức tranh trên đây, không hẳn đã là số phận tất yếu của những người giàu có. Vì có biết bao nhiêu người giàu đã có một cuộc sống an bình hạnh phúc ?

Tiền bạc của cải tự không phải là một điều xấu. Ai trong chúng ta cũng cần tiền bạc của cải để sống tốt đẹp với nhân phẩm. Sự túng thiếu bần cùng là điều mà Thiên Chúa không muốn cho con cái Ngài phải lâm vào.

-Tuy nhiên tiền bạc của cải vẫn luôn là con dao 2 lưỡi. Nếu biết sử dụng như một phương tiện, tiền bạc sẽ giúp con người sống xứng đáng tốt đẹp hơn. Nếu trái lại, con người chạy theo tiền bạc như là cứu cánh cuộc đời, nghĩa là con người tôn thờ nó như thần tượng, để quên đi tất cả những giá trị khác trong đời sống, thì lúc đó, sự phá sản về vật chất cũng như tinh thần là điều tất yếu xảy ra với con người.

Khi kể lại dụ ngôn của người quản lý, biết dùng tiền bạc để mua lòng bạn bè, Chúa Giê-su muốn kéo chúng ta trở về với chân lý nền tảng trong đời sống : ‘ Hãy chuẩn bị cho cuộc sống mai sau ! Hãy đầu tư tất cả cho cuộc sống vĩnh hằng ! Hãy hướng tất cả vào cùng đích cuộc sống ! Hãy dùng tiền bạc, cư xử thế nào để luôn có người bạn sẵn sàng đón tiếp chúng ta nơi cửa Thiên Đàng ! ‘

***Đinh Văn Tiến Hùng (sưu tầm)***

|  |
| --- |
|  |

﻿[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân**

**LỜI TẠM BIỆT:**

****

**Kính xin mọi người hiệp thông**

**cầu nguyện cho Cha Cố**

**PX. Hoàng Đình Mai**

**1947- 01.09.2018**

**Xin chân thành cám ơn**

**Quán trọ đời chân trần nay đã mỏi,**

**Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,**

**Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.**

**Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:**

**"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...**

**"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.**

**Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.**

**Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.**

**Kính báo:** Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,

xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

##### Tri Ân

**Cha Luca PHẠM QUỐC SỬ**

**Chủ Nhiệm Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam**



**30.12.1946 – 01.12.2020**

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

[giaosivietnam@gmail.com](mailto:giaosivietnam@gmail.com)

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ… (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net)

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quí vị

Xin chân thành cám ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

**TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam**

**Thư Ký: Giuse Phạm Hoàng Quỳnh.**

**TGP Baltimore** **USA**

1. ♣ Cv 8, 32 Phân biệt cừu và chiên: (x Ga 21, 15-17). [↑](#footnote-ref-1)
2. Anh Chị em có thể nghe “Amazing Grace” với chỉ 5 phím đen, Wintley Phipps: <https://www.youtube.com/watch?v=qNuQbJst4Lk> [↑](#footnote-ref-2)